



GELEXIMCO HOLDINGS
THANG LONG
Thermal Power

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
THANG LONG THERMAL POWER JSC

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ
INVITATION TO BID DOCUMENTS

Gói thầu:	Mã số 2026/SC08; về việc: Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 1 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW Mã số 2026/SC10; về việc: Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 2 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW Mã số 2026/SC14; về việc: Sửa chữa Tiểu tu van gió, ống gió, khớp giãn nở tổ máy 1, 2 tại Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW
Bidding Package:	Code 2026/SC08; on: Minor repair of boiler for unit 1 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW Code 2026/SC10; on: Minor repair of boiler for unit 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW Code 2026/SC14; on: Minor repairs to air valves, air pipes, and expansion joints for units 1 and 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW
Khách hàng:	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long
Client:	Thang Long Thermal Power Joint Stock Company
Địa điểm:	Khu Đè E, phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh
Location:	De E area, Hoanh Bo ward, Quang Ninh province

Quảng Ninh, ngày/date 18 tháng/month 05 năm/year 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
THANG LONG THERMAL POWER JSC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Mạnh



GELEXIMCO HOLDINGS

THANG LONG
Thermal Power

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

THANG LONG THERMAL POWER JSC

-----***-----

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ **INVITATION TO BID DOCUMENTS**

Gói thầu: Mã số 2026/SC08; về việc: Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 1 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW
Mã số 2026/SC10; về việc: Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 2 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW
Mã số 2026/SC14; về việc: Sửa chữa Tiểu tu van gió, ống gió, khớp giãn nở tổ máy 1, 2 tại Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW

Bidding Package: Code 2026/SC08; on: Minor repair of boiler for unit 1 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW
Code 2026/SC10; on: Minor repair of boiler for unit 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW
Code 2026/SC14; on: Minor repairs to air valves, air pipes, and expansion joints for units 1 and 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW

Khách hàng: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long

Client: Thang Long Thermal Power Joint Stock Company

Địa điểm: Khu Đè E, phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh

Location: De E area, Hoanh Bo ward, Quang Ninh province

Quảng Ninh, ngày/date 18 tháng/month 05 năm/year 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

THANG LONG THERMAL POWER JSC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Mạnh

MỤC LỤC

Chương I. Chỉ dẫn nhà cung cấp dịch vụ

Chương II. Yêu cầu cung cấp dịch vụ

Chương III. Biểu mẫu

- Mẫu số 01. Đơn chào cung cấp dịch vụ
- Mẫu số 02. Bảng tổng hợp chào giá Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 1 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW
- Mẫu số 03. Bảng tổng hợp chào giá Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 2 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW
- Mẫu số 04. Bảng tổng hợp chào giá Sửa chữa Tiểu tu van gió, ống gió, khớp giãn nở tổ máy 1, 2 tại Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW
- Mẫu số 05. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

TABLE OF CONTENTS

Chapter I. Service Provider Instructions

Chapter II. Service Provision Requirements

Chapter III. Forms

- Form No. 01. Service Proposal
- Form No. 02. Summary of Quotations for Minor repair of boiler for unit 1 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW.
- Form No. 03. Summary of Quotations for Minor repair of boiler for unit 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW.
- Form No. 04. Summary of Quotations for Minor repairs to air valves, air pipes, and expansion joints for units 1 and 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW
- Form No. 05. Contract Performance Guarantee

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP	Chapter I. SUPPLIER INSTRUCTIONS
Mục 1. Phạm vi cung cấp dịch vụ 1. Nội dung dịch vụ: - Gói thầu: Mã số 2026/SC08; về việc: Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 1 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW Mã số 2026/SC10; về việc: Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 2 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW Mã số 2026/SC14; về việc: Sửa chữa Tiểu tu van gió, ống gió, khớp giãn nở tổ máy 1, 2 tại Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW Nhà thầu có thể tùy chọn chào giá các gói thầu và gửi Hồ sơ chào giá riêng cho từng gói thầu. Việc ký hợp đồng thực hiện riêng cho từng gói thầu. - Nội dung cụ thể của dịch vụ được mô tả tại Chương II – Yêu cầu cung cấp dịch vụ. 2. Nguồn vốn để thực hiện dịch vụ: vốn của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long. 3. Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định.	Section 1. Scope of service provision 1. Service content: - Bidding Package: Code 2026/SC08; on: Minor repair of boiler for unit 1 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW Code 2026/SC10; on: Minor repair of boiler for unit 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW Code 2026/SC14; on: Minor repairs to air valves, air pipes, and expansion joints for units 1 and 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW Contractors may choose to bid on multiple packages and submit separate bid documents for each package. Contracts will be signed separately for each package. - Specific content of the service is described in Chapter II- Service provision requirements. 2. Source of capital to perform the service: capital of Thang Long Thermal Power Joint Stock Company. 3. Contract type: according to fixed unit price.
Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp Nhà cung cấp là tổ chức hoặc doanh nghiệp có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây: 1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký kinh doanh, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp; 2. Hạch toán tài chính độc lập; 3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; 4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp: - Cam kết trong đơn chào cung cấp dịch vụ (xem Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu). - Các tài liệu khác có liên quan (nếu có)	Section 2. Eligibility of the supplier A supplier is an organization or enterprise with valid status when it meets the following conditions: 1. Has a certificate of business registration or business registration, establishment decision or equivalent document issued by a competent authority; 2. Independent financial accounting; 3. Not in the process of dissolution; not concluded to be in a state of bankruptcy or insolvent debt according to the provisions of law; 4. Documents proving the eligibility of the supplier: - Commitment in the service provision application (see Form No. 01 Chapter III - Forms). - Other relevant documents (if any)
Mục 3. Làm rõ, khảo sát hiện trường, sửa đổi	Section 3. Clarification, site survey, and

Hồ sơ mời chào giá

1. Làm rõ Hồ sơ mời chào giá

Trong trường hợp cần làm rõ Hồ sơ mời chào giá, nhà cung cấp phải gửi văn bản (email) đề nghị làm rõ đến Khách hàng muộn nhất: trước ngày có thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào cung cấp dịch vụ 03 ngày làm việc. Khi nhận được đề nghị làm rõ Hồ sơ mời chào giá của nhà cung cấp, Khách hàng sẽ có văn bản (email) trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Hồ sơ mời chào giá thì Khách hàng tiến hành sửa đổi Hồ sơ mời chào giá theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Hồ sơ mời chào giá

Trường hợp sửa đổi Hồ sơ mời chào giá, Khách hàng sẽ gửi văn bản (email) sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Hồ sơ mời chào giá từ Khách hàng không muộn hơn ngày 01 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá, trường hợp không đủ 01 ngày làm việc thì Khách hàng phải gia hạn thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Hồ sơ chào giá, Khách hàng có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá quy định tại khoản 1 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Hồ sơ mời chào giá.

3. Khảo sát hiện trường:

3.1. Để tìm hiểu rõ thêm về dịch vụ, Nhà cung cấp có thể đi khảo sát hiện trường thực tế tại nhà máy cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập Hồ sơ chào giá cũng như thực hiện hợp đồng. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.

3.2. Khách hàng sẽ cho phép nhà cung cấp và các bên liên quan của nhà cung cấp tiếp cận hiện trường để phục vụ mục đích khảo sát hiện trường với điều kiện nhà cung cấp và các bên liên quan của nhà cung cấp cam kết rằng Khách hàng và các bên liên quan của Khách hàng không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà cung cấp và các bên liên quan của nhà cung cấp liên quan đến việc khảo sát hiện trường này. Nhà cung cấp và các bên liên quan của nhà cung cấp sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ các mất mát, thiệt hại và chi phí nào khác phát sinh từ

amendment of the Invitation to Bid document

1. Clarification of the Invitation to bid Documents

In case of needing to clarify the Invitation to bid Documents, the Supplier must send a written request (email) to the Customer for clarification at the latest: 03 working days before the deadline for submitting the service proposal. Upon receiving the Supplier's request for clarification of the Invitation to bid Documents, the Customer will send a written response (email) to the Supplier requesting clarification. In case the clarification leads to amendment of the Invitation to bid Documents, the Customer shall amend the Invitation to bid Documents according to the procedures specified in Clause 2 of this Section.

2. Amendment of the Invitation to bid documents

In case of amendment of the Invitation to bid documents, the Customer will send a written amendment (email) with the amendments to all suppliers who have received the Invitation to bid documents from the Customer no later than 01 working day before the deadline for submitting the Invitation to bid documents. In case it is less than 01 working day, the Customer must extend the deadline for submitting the Invitation to bid documents accordingly.

In order to help suppliers have enough time to amend the Invitation to bid documents, the Customer can extend the deadline for submitting the Invitation to bid documents as prescribed in Clause 1, Section 10, Chapter I - Instructions to suppliers by amending the Invitation to bid documents.

3. Site survey:

3.1. To learn more about the service, the Supplier can go to the actual site survey at the factory as well as the related area and is responsible for finding out all necessary information to prepare the Invitation to bid documents as well as perform the contract. The Contractor shall bear all costs of the site visit.

3.2. The Client shall permit the Supplier and its Affiliates to have access to the Site for the purpose of the Site Visit provided that the Supplier and its Affiliates undertake that the Client and its Affiliates shall indemnify the Supplier and its Affiliates from and against any liability whatsoever to the Supplier and its Affiliates in connection with such Site Visit.

việc khảo sát hiện trường.	The Supplier and its Affiliates shall be solely responsible for their own risks such as accident, loss or damage to property and any other loss, damage and expense arising out of the Site Visit.
Mục 4. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng 1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá. 2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND. 3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp phải được viết bằng song ngữ tiếng Việt - Anh. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Khách hàng có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.	Section 4. Costs, currency, language in the bid 1. The Supplier shall bear all costs related to the bidding process. 2. The bidding currency and payment currency shall be VND. 3. The Bidding Documents as well as all documents and materials related to the Bidding Documents of the Supplier must be written in Vietnamese - English bilingual. Supporting documents and materials in the Bidding Documents may be written in other languages, and accompanied by a Vietnamese translation. In case of lack of translation, if necessary, the Customer may request the Supplier to send additional documents.
Mục 5. Thành phần của Hồ sơ chào giá Hồ sơ chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm: 1. Đơn chào cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 01, Chương III – Biểu mẫu; 2. Bảng chào giá (Mẫu số 02, 03, 04 Chương III – Biểu mẫu); 3. Hồ sơ chứng minh năng lực và kinh nghiệm nhà thầu (theo quy định Mục 6, chương II – Yêu cầu cung cấp dịch vụ) 4. Các tài liệu có liên quan khác	Section 5. Components of the Bidding Documents The bidding documents prepared by the supplier must include: 1. Service proposal according to Form No. 01, Chapter III - Forms; 2. Bidding table (Form No. 02, 03, 04 Chapter III - Forms); 3. Documents proving the contractor's capacity and experience (according to the provisions of Section 6, Chapter II - Service Provision Requirements) 4. Other relevant documents
Mục 6. Giá chào và giảm giá 1. Giá chào ghi trong Bảng chào giá bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện dịch vụ (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá. 2. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào Đơn chào giá hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Hồ sơ chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Khách hàng nhận được trước thời điểm	Section 6. Bid price and discount 1. The bid price stated in the Bid Table includes all costs to perform the service (excluding discounts) as required in the Bid Request Document. 2. In case the supplier proposes a discount, it can be recorded directly in the Bid Request or proposed separately in the discount letter. In case of discount, the supplier must clearly state the content and specific method of discount. In case the method of discount is not clearly stated, it is understood that the discount is equal to the rate for all items. In case of a discount letter, the discount letter can be included in the Bid Document or submitted separately, but must

hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Thư giảm giá sẽ được Khách hàng bảo quản như một phần của Hồ sơ chào giá và được mở đồng thời cùng Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Hồ sơ chào giá và không được ghi vào biên bản mở Hồ sơ chào giá thì không có giá trị. 3. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.	ensure that the Customer receives it before the deadline for submitting the Bid Document. The discount letter will be kept by the Customer as part of the Bid Document and opened at the same time as the supplier's Bid Document; in case the discount letter is not opened with the Bid Document and is not recorded in the Bid Document opening minutes, it is invalid. 3. The supplier's bid price must include all taxes, fees, and charges (if any) applied according to the tax rates, fees, and charges at 28 days prior to the deadline for submitting the Bid Document as prescribed. In case the supplier declares that the bid price does not include taxes, fees, and charges (if any), the supplier's Bid Document will be rejected.
Mục 7. Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá 1. Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là: tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. 2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá, Khách hàng có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Hồ sơ chào giá.	Section 7. Validity period of Bidding Documents 1. The validity period of Bidding Documents is: at least 150 days from the date of the deadline for submitting Bidding Documents. 2. In case of necessity, before the expiry of the validity period of Bidding Documents, Customers may request suppliers to extend the validity of Bidding Documents. The extension, acceptance or non-acceptance of extension must be expressed in writing. If the supplier does not accept the extension, the Bidding Documents of this supplier will not be considered further. Suppliers who accept the extension request are not allowed to change any content of the Bidding Documents.
Mục 8. Quy cách Hồ sơ chào giá 1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ chào giá cùng 01 bản mềm scan màu của Hồ sơ chào giá bản gốc. Trường hợp sửa đổi, thay thế Hồ sơ chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ cùng 01 bản mềm scan màu của Hồ sơ sửa đổi, thay thế. 2. Túi đựng bản gốc Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá sửa đổi, Hồ sơ chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên dịch vụ, tên nhà cung cấp, tên Khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp.	Section 8. Bidding Document Specifications 1. The Supplier must prepare 01 original Bidding Document and 01 color scanned soft copy of the original Bidding Document. In case of amendment or replacement of the Bidding Document, the Supplier must prepare 01 original Bidding Document and 01 color scanned soft copy of the amended or replaced Bidding Document. 2. The bag containing the original Bidding Document, amended Bidding Document, and replaced Bidding Document of the Supplier must be sealed and clearly marked with the name of the service, the name of the Supplier, and the name of the Customer. The Customer is responsible for keeping the information in the Bidding Document of the Supplier confidential.

3. Bản mềm scan màu của Hồ sơ chào giá phải được Nhà cung cấp gửi đính kèm qua email với nội dung email ghi rõ: tên nhà cung cấp, chào giá: tên dịch vụ, tên Khách hàng 4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản mềm scan màu của Hồ sơ. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản mềm scan thì căn cứ vào hồ sơ bản gốc để đánh giá. 5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh của người ký đơn chào hàng.	3. The color scanned soft copy of the Bidding Document must be sent by the Supplier via email with the email content clearly stating: name of the Supplier, bid: name of the Service, name of the Customer 4. The Supplier is responsible for the consistency between the original and the color scanned soft copy of the Document. In case of any discrepancy between the original and the scanned soft copy, the original file shall be used for evaluation. 5. Additional words, words inserted between lines, erased or overwritten words will only be considered valid if there is a signature next to it of the person signing the offer.
Mục 9. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Hồ sơ chào giá 1. Nhà cung cấp nộp 01 Hồ sơ chào giá bản gốc trực tiếp hoặc gửi Hồ sơ chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Khách hàng nhưng phải đảm bảo Khách hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. 2. Đồng thời Nhà cung cấp nộp 01 bản mềm scan màu của Hồ sơ chào giá bản gốc bằng cách gửi file tài liệu đính kèm có cài mật mã qua email, thời gian gửi email trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Nhà cung cấp chỉ cung cấp mật mã của bản mềm scan màu của Hồ sơ chào giá khi có thông báo mở thầu của khách hàng. 3. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá là: 16 giờ 00' ngày 15 tháng 6 năm 2026 4. Địa chỉ nộp Hồ sơ chào giá bản gốc: Bùi Ngọc Duy, Phòng Kinh doanh Mua sắm, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 0936677838 5. Địa chỉ Email nhận bản mềm scan màu của Hồ sơ chào giá bản gốc (có cài mật mã): KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn 6. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Hồ sơ	Section 9. Submission, withdrawal, replacement and amendment of Bidding Documents 1. The Supplier shall submit 01 original Bidding Document directly or send the Bidding Document by post to the Customer's address, but must ensure that the Customer receives it before the deadline for submitting the Bidding Documents. 2. At the same time, the Supplier shall submit 01 soft copy of the original Bidding Documents by sending the attached document file with a password via email, the time of sending the email must be before the deadline for submitting the Bidding Documents. The Supplier shall only provide the password of the soft copy of the color scanned Bidding Documents when the Customer announces the bid opening. 3. The deadline for submitting the Bidding Documents is: 16 hours 00' day 15 month 6 year 2026 4. Address for submitting the original Bidding Documents: Bui Ngoc Duy, Sales and Purchasing Department, Thang Long Thermal Power Joint Stock Company, Le Loi Commune, Ha Long City, Quang Ninh Province. Phone: 0936677838 5. Email address to receive the soft copy of the original color scan of the Bidding Document (with password): KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn 6. After submission, the Supplier may withdraw the Bidding Document by sending a written notice signed

chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến Khách hàng trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Hồ sơ chào giá thì nhà cung cấp nộp Hồ sơ chào giá thay thế hoặc Hồ sơ chào giá sửa đổi cho Khách hàng với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.	by the legal representative of the Supplier to the Customer before the deadline for submitting the Bidding Document. Before the deadline for submitting the Bidding Document, if it is necessary to modify or replace the Bidding Document, the Supplier shall submit a replacement Bidding Document or a revised Bidding Document to the Customer with the information stated in Clause 1, Clause 2, Clause 3, Section 8, Chapter I - Supplier Instructions.
Mục 10. Mở Hồ sơ chào giá Việc mở Hồ sơ chào giá sẽ được Chủ đầu tư thực hiện theo nguyên tắc sau đây: a) Giữ nguyên niêm phong hồ sơ bản gốc và bí mật mã của bản mềm scan Hồ sơ chào giá trước thời điểm mở thầu; b) Việc mở thầu được Hội đồng xét thầu của Chủ đầu tư tiến hành. Các thông tin khi mở Hồ sơ chào giá của các nhà thầu được Hội đồng xét thầu của Chủ đầu tư, kiểm tra và ghi nhận.	Section 10. Opening of Bidding Documents The opening of Bidding Documents will be carried out by the Investor according to the following principles: a) Keep the original documents sealed and the soft copy of the scanned Bidding Documents confidential before the opening of the bid; b) The bid opening is conducted by the Investor's Bid Evaluation Council. The information when opening the Bidding Documents of the bidders is checked and recorded by the Investor's Bid Evaluation Council.
Mục 11. Làm rõ Hồ sơ chào giá 1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ gửi email yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp nếu cần. 2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Chủ đầu tư: chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá. 3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.	Section 11. Clarification of Bidding Documents 1. After opening the Bidding Documents, the Supplier shall be responsible for clarifying the Bidding Documents as requested by the Investor. The Investor shall send an email requesting the Supplier to clarify the Bidding Documents if necessary. 2. The Supplier shall be entitled to send documents proving its eligibility, capacity and experience to the Investor: no later than 02 days from the deadline for submitting the Bidding Documents. The Investor shall be responsible for receiving the Supplier's clarification documents for consideration and evaluation; the documents clarifying the eligibility, capacity and experience shall be considered as part of the Bidding Documents. 3. The clarification must ensure that it does not change the nature of the Supplier, does not change the basic content of the submitted Bidding Documents and does not change the bid price.
Mục 12. Đánh giá Hồ sơ chào giá và thương	Section 12. Evaluation of Bidding Documents

thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được Hội đồng xét thầu của Chủ đầu tư tiến hành để lựa chọn nhà thầu đáp ứng yêu cầu.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá và các tài liệu làm rõ Hồ sơ chào giá (nếu có) của nhà cung cấp, Hồ sơ mời chào giá, báo cáo kiểm tra đánh giá năng lực thực tế của Chủ đầu tư đối với nhà cung cấp (nếu cần thiết).

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Trong quá trình đánh giá Hồ sơ chào giá và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào cung cấp dịch vụ nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với Hồ sơ mời chào giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong Hồ sơ chào giá chưa có đơn giá thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá của nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự chào cung cấp dịch vụ thấp nhất trong số các Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa Hồ sơ mời chào giá và Hồ sơ chào giá, giữa các nội dung khác nhau trong Hồ sơ chào giá có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong Hồ sơ chào giá (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu

and Contract Negotiation

1. The evaluation of the Bidding Documents is conducted by the Investor's Bidding Evaluation Council to select a contractor that meets the requirements.

2. Contract negotiation shall be based on the following documents: Bidding Document Evaluation Report, Bidding Documents and documents clarifying Bidding Documents (if any) of the supplier, Request for Proposal, and the Investor's actual capacity assessment report for the supplier (if necessary).

3. The principles of contract negotiation are as follows:

a) During the evaluation of Bidding Documents and contract negotiation, if it is discovered that the work items and the volume of service offerings stated in the Bidding Price Summary Table are deficient compared to the Request for Proposal, the Investor shall request the supplier to supplement the missing work volume based on the quoted unit price; In case the Bidding Documents do not have a unit price, the Investor shall consider and decide to apply the unit price of another supplier who has passed the technical evaluation step;

c) When negotiating a contract for the missing deviation, in case the Bidding Documents of the supplier do not have a unit price corresponding to the deviation, the lowest unit price for the service provision among the Bidding Documents of other suppliers that meet the technical requirements must be used as a basis for negotiating for that missing deviation.

4. Contract negotiation content:

a) Negotiation on contents that are not detailed enough, unclear or not consistent, between the Request for Proposals and the Bidding Documents, between different contents in the Bidding Documents that may lead to arising issues, disputes or affect the responsibilities of the parties during the contract implementation process;

b) Negotiation on deviations discovered and proposed by the supplier in the Bidding Documents (if any);

c) Negotiate on issues arising during the supplier selection process (if any) with the aim of finalizing

hoàn thiện các nội dung chi tiết của dịch vụ; d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác. 5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.	the detailed contents of the service; d) Negotiate on other necessary contents. 5. During the contract negotiation process, the negotiating parties shall complete the draft contract document and contract appendix. In case the negotiation is unsuccessful, the Investor shall consider and decide to invite the next ranked supplier to negotiate.
Mục 13. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp dịch vụ Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng các điều kiện: có giá chào thấp hơn các nhà thầu khác cùng tham gia chào giá; có hồ sơ chào giá hợp lệ theo quy định của Hồ sơ mời chào giá; và có đủ năng lực kinh nghiệm đáp ứng các Yêu cầu cung cấp dịch vụ.	Section 13. Conditions for reviewing service providers Suppliers are considered and recommended for selection when they meet the following conditions: have a lower bid price than other bidders participating in the bid; have valid bid documents according to the provisions of the Bidding Documents; and have sufficient capacity and experience to meet the Service Provision Requirements.
Mục 14. Thay đổi khối lượng dịch vụ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Khách hàng có quyền tăng hoặc giảm khối lượng của các dịch vụ nêu tại Chương II – Yêu cầu cung cấp dịch vụ mà không có thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Hồ sơ mời chào giá và Hồ sơ chào giá.	Section 14. Change of service volume During the performance of the contract, the Customer has the right to increase or decrease the volume of the services stated in Chapter II- Service provision requirements without any change in the unit price or other terms and conditions of the Invitation to bid documents and Bid Documents.
Mục 15. Bảo đảm thực hiện hợp đồng 1. Nhà cung cấp được lựa chọn phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với nội dung theo quy định của Hồ sơ mời chào giá hoặc một mẫu khác được Khách hàng chấp thuận. 2. Giá trị của Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 5% tổng giá trị hợp đồng dự kiến. 3. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;	Section 15. Contract Performance Security 1. The selected Supplier must provide a contract performance security in the form of a letter of guarantee issued by a bank or credit institution legally operating in Vietnam with the content as prescribed in the Request for Proposals or another form approved by the Customer. 2. The value of the contract performance security is equal to 5% of the total expected contract value. 3. The Supplier shall not be entitled to return the contract performance security in the following cases: a) Refusing to perform the contract when the contract comes into effect; b) Violating the agreement in the contract;

Mục 16. Bảo hành chất lượng công việc

Bên B có trách nhiệm bảo hành chất lượng các công việc giao thuê khoán (trừ công việc: Cung cấp nhân lực cho Chủ đầu tư, Thuê giáo, vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ giàn dáo phục vụ sửa chữa trong và ngoài lò)

Bên B phải thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình trong vòng 06 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu công việc. Bên A sẽ giữ lại giá trị tiền bảo hành trong thời gian bảo hành tương ứng với 5% giá trị quyết toán của phần công việc thuộc trách nhiệm bảo hành như đã nêu trên (hoặc nếu bên B phát hành thư bảo lãnh bảo hành với giá trị tương ứng với giá trị bảo hành nêu trên thì Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị quyết toán).

Trong thời gian bảo hành công trình, Bên B phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên B bằng chi phí của Bên B. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 03 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên A về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên B không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một nhà cung cấp khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B mà không cần sự đồng ý của Bên B.

Mục 17. Điều khoản tạm ứng, thanh toán

a. Tạm ứng hợp đồng: Chủ đầu tư (Bên A) tạm ứng cho Nhà thầu (Bên B) với số tiền tạm ứng bằng 30% giá trị hợp đồng, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được Giấy đề nghị tạm ứng của Bên B và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B (hoặc Bên B đã huy động nhân lực, thiết bị đến Nhà máy để thực hiện công việc theo yêu cầu của Bên A)

b. Thanh toán hợp đồng:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị hoàn thành sau khi hoàn thành công việc (Bên A sẽ giữ lại giá trị tiền bảo hành trong thời gian bảo hành tương ứng với 5% giá trị hoàn thành của phần công việc thuộc trách nhiệm bảo hành theo quy định của hợp đồng; hoặc nếu bên B phát hành thư bảo lãnh bảo hành với giá trị tương ứng với giá trị bảo hành thì Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị hoàn thành). Thời gian thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi Bên B hoàn thành công việc theo yêu cầu của bên

Section 16. Work quality warranty

Party B is responsible for ensuring the quality of contracted work (except for task: Providing human resources for investors, Hire scaffolding, transportation, installation, and dismantling of scaffolding for repairs inside and outside the furnace).

Party B must carry out its responsibility to warranty the project within 06 months from the date both parties sign the Minutes of Acceptance of the work. Party A will retain the warranty value during the warranty period corresponding to 5% of the settlement value of the work part of the warranty responsibility as stated above (or if Party B issues a warranty guarantee letter with value corresponding to the above warranty value, Party A will pay Party B 100% of the settlement value).

During the project warranty period, Party B must repair all errors and defects caused by Party B's fault at its expense. The correction of these faults need commencing no more than 3 days after the receipt of Party A regarding these errors. Beyond this time limit, if Party B does not implement the works Party A has the right to hire another supplier (the third party) to perform such works at the expense of Party B by deducting from Party B's warranty money without its consent.

Section 17. Terms of advance payment

a. Contract advance: The Investor (Party A) shall advance to the Contractor (Party B) an advance amount equal to 30% of the contract value, within 07 working days from the date of receipt of the Advance Request from Party B and the Contract Performance Guarantee from Party B (or Party B has mobilized human resources and equipment to the Factory to perform the work as required by Party A)

b. Contract payment:

Party A will pay Party B up to 100% of the completed value after completing the work (Party A will retain the warranty value during the warranty period corresponding to 5% of the completed value of the work part under warranty responsibility as stipulated in the contract; or if Party B issues a warranty guarantee letter with a value corresponding to the warranty value, Party A will pay Party B 100% of the completed value). The payment period is

A và Hồ sơ thanh toán của Bên B được Bên A phê duyệt; c. Hồ sơ thanh toán: - Giấy đề nghị thanh toán; - Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán - Bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành - Biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng công việc của từng công việc thực hiện - Báo cáo nghiệm thu công việc - Hoá đơn tài chính	within 30 days after Party B completes the work as required by Party A and Party B's payment documents are approved by Party A; c. Payment documents: - Payment request; - Payment request value calculation sheet - Summary table of completed work volume - Acceptance minutes confirming the work volume of each performed work - Work acceptance report - Financial invoice
Mục 18. Địa chỉ liên hệ của bên mời cung cấp dịch vụ: - Người liên hệ: Bùi Ngọc Duy - Địa chỉ: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Điện thoại: 0936677838 - Email: duybn@thanglongpower.vn (và các email khác nếu có yêu cầu)	Section 18. Contact address of the service provider: - Contact person: Bui Ngoc Duy - Address: Thang Long Thermal Power Joint Stock Company, Le Loi Commune, Ha Long City, Quang Ninh Province. - Phone: 0936677838 - Email: duybn@thanglongpower.vn (and other emails if requested)

Chương II. YÊU CẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ	Chapter II. SERVICE PROVISION REQUIREMENTS
1) Bảng tiên lượng các nội dung công việc: Nội dung các công việc, đơn vị tính, khối lượng công việc xem chi tiết trong Chương III Biểu mẫu, Mẫu số: 02, 03, 04 Bảng chào giá. Khối lượng trong bảng tiên lượng là khối lượng dự kiến. Khối lượng thanh toán theo thực tế được các bên nghiệm thu xác nhận. Trường hợp nhà thầu phát hiện nội dung và khối lượng của các hạng mục công việc chưa đầy so với yêu cầu nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần tiên lượng sai khác này để Bên mời thầu xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.	1) Table of work content estimates: Content of work, unit of measurement, work volume see details in Chapter III Form, Form No.: 02, 03, 04 Price list. The volume in the bill of quantities is the estimated volume. The actual payment volume is confirmed by the parties for acceptance. In case the contractor discovers that the content and volume of work items are less than the requirements, the contractor can notify the Inviting Party and prepare a separate quotation for this difference in the estimate for the Inviting Party to consider. The contractor is not allowed to calculate this difference in volume into the bid price.

2) Một số yêu cầu về dịch vụ: - Đề nghị nhà cung cấp đến khảo sát thực tế tại nhà máy (lò CFB) để hiểu rõ hơn về công việc và chịu trách nhiệm tìm hiểu thông tin để chào giá. Bản vẽ lắp đặt, sửa chữa Chủ đầu tư cung cấp chỉ là bản vẽ tham khảo để nhà thầu hiểu rõ hơn về công việc (một số thiết bị trên công trường đã có sự sai khác đôi chút với các bản vẽ đó). Công việc sửa chữa, thay thế căn cứ vào thực tế trên công trường, tiêu chuẩn và yêu cầu của Chủ đầu tư - Đối với thợ hàn đường ống áp lực: Tất cả thợ hàn TIG trước khi hàn phải thực hiện kiểm tra tay nghề thợ hàn theo tiêu chuẩn ASME. Thợ hàn đạt và được sự chấp thuận của khách hàng mới được thực hiện hàn trên công trường - Tất cả vật tư, vật liệu, bê tông chịu lửa, gạch chịu lửa...sau sửa chữa phải được thu dọn sạch sẽ, bàn giao mặt bằng cho khách hàng và vận chuyển tới nơi tập kết theo yêu cầu của khách hàng Đối với gói thầu số 2026/SC08, 2026/SC10: Nhà thầu phải đệ trình biện pháp thi công, tiến độ, sơ đồ tổ chức quản lý, thi công cho TLP trước 7 ngày cho TLP phê duyệt chấp thuận. Yêu cầu giám đốc dự án, chỉ huy trưởng phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm ở vị trí tương đương cho sửa chữa nhà máy nhiệt điện. Các vị trí giám sát chất lượng, thi công, an toàn phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm ở	2) Some service requirements: - Ask the supplier to visit the factory (CFB furnace) to have a better understanding of the work and be responsible for finding out information to bid. The installation and repair drawings provided by Investor are only reference drawings to the contractor to better understand the works (Some equipments on site has slight differences with the original drawings). Repair and replacement work is based on reality on site, standards and requirements of Investor - For pressure pipe welders: All TIG welders must undergo a welding skills test according to ASME standards before welding. Welders must pass and be approved by the customer before performing welding on the construction site. - All supplies, materials, refractory concrete, refractory bricks... after repair must be cleaned up, the site handed over to the customer and transported to the assembly location as required by the customer For the package No 2026/SC08, 2026/SC10: The contractor must submit construction and repair measure, progress, organization chart to TLP 7 days in advance for TLP's approval. Project directors and commanders are required to have at least 3 years of experience in a similar position in thermal power plant repair. Quality, construction, and safety supervisor positions must have at least 3 years of experience in a
--	--

vị trí tương đương cho sửa chữa nhà máy nhiệt điện. Nhân viên giám sát chất lượng (ít nhất 2 người cho mỗi gói) phải có chứng chỉ liên quan, nhân viên an toàn (ít nhất 2 người cho mỗi gói) Đối với gói thầu số còn lại: Nhà thầu phải đệ trình biện pháp thi công, tiến độ, sơ đồ tổ chức quản lý, thi công cho TLP trước 7 ngày cho TLP phê duyệt chấp thuận. Yêu cầu giám đốc dự án, chỉ huy trưởng phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm ở vị trí tương đương cho sửa chữa nhà máy nhiệt điện hoặc công việc sửa chữa thiết bị tương tự cho nhà máy công nghiệp. Các vị trí giám sát chất lượng, thi công, an toàn phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm ở vị trí tương đương cho sửa chữa nhà máy nhiệt điện hoặc trải qua công việc sửa chữa thiết bị tương tự cho nhà máy công nghiệp. Nhân viên giám sát chất lượng (ít nhất 1 người), nhân viên an toàn (ít nhất 1 người)	similar position for thermal power plant repair. Quality supervision staff (at least 2 people for each packages) must have relevant certificates (especially quality supervision of the boiler pressure part), safety supervision staff (at least 2 people for each packages) For the remaining packages: The Contractor must submit construction methods, progress, and organizational chart of management and construction to TLP 7 days in advance for TLP to approve. The project director and commander must have at least 3 years of experience in a similar position for repairing thermal power plants or similar equipment repair work for industrial plants. The positions of quality, construction and safety supervisors must have at least 3 years of experience in a similar position for repairing thermal power plants or similar equipment repair work for industrial plants. Quality supervisor (at least 1 person), safety officer (at least 1 person)
3) Thời gian thực hiện công việc: 3.a Gói thầu: Mã số 2026/SC08; về việc: Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 1 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW: - Thời gian thực hiện các công việc nêu trên (Trừ các công việc đã ghi chú về thời gian hoàn thành): Dự kiến từ ngày 05/08/2026 đến hết ngày 16/08/2026. Thời gian thực tế theo thông báo của Chủ đầu tư. Lưu ý: Nhà thầu phải bố trí cho công nhân học an toàn trước khi làm việc. 3.b Gói thầu: Mã số 2026/SC10; về việc: Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 2 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW: - Thời gian thực hiện các công việc nêu trên (Trừ các công việc đã ghi chú về thời gian hoàn thành): Dự kiến từ ngày 05/09/2026 đến hết ngày 16/09/2026. Thời gian thực tế theo thông báo của Chủ đầu tư. Lưu ý: Nhà thầu phải bố trí cho công nhân học an toàn trước khi làm việc. 3.c Gói thầu: Mã số 2026/SC14; về việc: Sửa chữa Tiểu tu van gió, ống gió, khớp giãn nở tổ máy 1, 2 tại Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW: A. Tiểu tu Tổ máy 1: Thời gian thực hiện các công việc nêu trên (Trừ các công việc đã ghi chú về thời gian hoàn thành): Dự kiến từ ngày 02/08/2026 đến hết ngày 18/8/2026. Thời gian thực tế theo thông báo của Chủ đầu tư. Lưu ý: Nhà thầu phải bố trí cho công nhân học an toàn trước khi làm việc. B. Tiểu tu Tổ máy 2: Thời gian thực hiện các công việc nêu trên (Trừ các công việc đã ghi chú về thời gian hoàn thành): Dự kiến từ ngày 02/09/2026	3) Time to complete the work: 3.a Package: Code 2026/SC08; on: Minor repair of boiler for unit 1 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW: - Time to perform the works as above: Expected from August 05th, 2026 to August 16th, 2026. Actual time according to Investor's notice. Note: The contractor must arrange for workers to learn safety before working. 3.b Package: Code 2026/SC10; on: Minor repair of boiler for unit 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW: - Time to perform the works as above: Expected from September 05th, 2026 to September 16th, 2026. Actual time according to Investor's notice. Note: The contractor must arrange for workers to learn safety before working. 3.c Package: Code 2026/SC14; on: Minor repairs to air valves, air pipes, and expansion joints for units 1 and 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW: A. Minor repairs of Unit 1: Timeframe for completing the above-mentioned tasks (excluding tasks with noted completion times): Expected from August 2nd, 2026 to August 18th, 2026. Actual time will be announced by the Investor. Note: The contractor must arrange for workers to receive safety training before starting work. B. Minor repairs of Unit 2: Timeframe for completing the above-mentioned tasks (excluding tasks with noted completion times): Expected from September 2nd, 2026 to September 18th, 2026. Actual

đến hết ngày 18/9/2026 . Thời gian thực tế theo thông báo của Chủ đầu tư. Lưu ý: Nhà thầu phải bố trí cho công nhân học an toàn trước khi làm việc..	time will be announced by the Investor. Note: The contractor must arrange for workers to receive safety training before starting work.
4) Địa điểm thực hiện công việc: - Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW, khu Đè E, phường Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh	4) Location of work: - Location of implementation: Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW, khu Đè E, phường Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh
5) Một số yêu cầu về đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường: - Nhân lực: Chứng chỉ huấn luyện an toàn nhóm 1 cho Chỉ huy trưởng/phó, nhóm 2 cho cán bộ chuyên trách an toàn, nhóm 3 cho người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ (Theo thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH); Chứng chỉ chuyên môn cho các công việc đặc thù như: Vận hành thiết bị nâng hạ, thợ lắp dựng giàn giáo, thợ sửa chữa điện, thợ hàn... - Máy móc, công cụ dụng cụ: Thiết bị nghiêm ngặt có giấy chứng nhận kiểm định an toàn, thiết bị đo có chứng nhận kiểm định chất lượng; - Các công cụ, dụng cụ: Có biên bản kiểm tra KTAT như dây cáp nâng hạ, mã ný, gio cầu hàng; chứng nhận chất lượng cho dây cáp điện, dây an toàn, ống giáo, khóa giáo, hóa chất sử dụng trong quá trình thi công; - Chấp hành các nội quy, quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ khách hàng trong quá trình làm việc; - Mọi nhân viên của nhà cung cấp phải đảm bảo đủ năng lực hành vi nhân dân sự, không tàng trữ, sử dụng các chất gây nghiện bị pháp luật cấm sử dụng, không sử dụng rượu bia, hoặc các chất kích thích trong giờ làm việc; - Nhân viên của nhà cung cấp phải có hợp đồng lao động, được cấp quần áo phương tiện bảo hộ lao động; - Tuân thủ các quy định về thu gom phân loại chất thải; - Phải có biện pháp và phương tiện bảo đảm an toàn khi làm việc. - Có sàncông tác đảm bảo an toàn và dây an toàn khi làm việc trên cao; - Không sử dụng các hóa chất độc hại bị cấm sử dụng; - Không được sử dụng thiết bị điện có dây bị trục trặc hoặc có dây điện bị sờn, hư hỏng cách	5) Some requirements for ensuring labor safety, fire prevention and environmental sanitation: - Human resources: Group 1 safety training certificate for Commander/Deputy Commander, group 2 for safety specialists, group 3 for people doing jobs with strict requirements on occupational safety and health (According to Circular 06/2020/TT-BLĐTBXH); Professional certificates for specific jobs such as: Lifting equipment operators, scaffolding installers, electricians, welders, etc. - Machinery, tools and equipment: Strict equipment with safety inspection certificates, measuring equipment with quality inspection certificates; - Tools and equipment: There are safety inspection records such as lifting cables, codes, cargo cranes; quality certificates for electric cables, safety ropes, scaffolding pipes, scaffolding locks, chemicals used during construction; - Comply with the rules and regulations on labor safety and fire prevention for customers during work; - All employees of the supplier must have full civil capacity, not store or use addictive substances prohibited by law, not use alcohol or stimulants during working hours; - Employees of the supplier must have a labor contract, be provided with protective clothing and equipment; - Comply with regulations on waste collection and classification; - Must have measures and means to ensure safety when working. - Have a safe working floor and safety rope when working at height; - Do not use prohibited toxic chemicals; - Do not use electrical equipment with faulty wires or frayed or damaged insulation that can easily cause

điện dễ gây sự cố chập cháy.	short circuits or fires.
6) Một số yêu cầu về kinh nghiệm năng lực của nhà thầu: a) Đối với nhà thầu đã thực hiện các hợp đồng tương tự tại Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long: Nhà thầu có các hợp đồng mà Nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính độc lập hoặc thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ đáp ứng yêu cầu sau: - Đối với gói thầu 2026/SC08, 2026/SC10: ít nhất 02 hợp đồng tương tự, kể từ ngày 01/01/2023. - Đối với gói thầu 2026/SC14: ít nhất 01 hợp đồng tương tự kể từ 01/01/2023. - Tài liệu chứng minh: Văn bản hợp đồng và các tài liệu pháp lý chứng minh nhà thầu đã hoàn thành (Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Hóa đơn quyết toán, hoặc Giấy xác nhận của chủ đầu tư, bên A...) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện. b) Đối với nhà thầu chưa thực hiện các hợp đồng tương tự đã thực hiện tại nhà máy Nhiệt điện Thăng Long thì Nhà thầu tham gia chào giá cần gửi hồ sơ năng lực để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu và gửi hồ sơ năng lực nhà thầu phụ (nếu có) cho Chủ đầu tư xem xét chấp thuận. Hồ sơ năng lực nhà thầu bao gồm những thông tin nhưng không giới hạn các hồ sơ dưới đây để Chủ đầu tư có căn cứ, cơ sở đánh giá các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu: - Giấy phép kinh doanh (Giấy phép kinh doanh có ngành nghề phù hợp với nội dung gói thầu tham gia chào giá) - Kinh nghiệm thực tế sửa chữa hợp đồng tương tự: + Đối với gói thầu 2026/SC08, 2026/SC10: ít nhất 02 hợp đồng tương tự, sửa chữa lò hơi CFB cho nhà máy điện với công suất trên 200MW kể từ ngày 01/01/2023. + Đối với gói thầu 2026/SC14: ít nhất 01 hợp đồng tương tự sửa chữa nhà máy nhiệt điện kể từ 01/01/2023. + Tài liệu chứng minh: Văn bản hợp đồng và các tài liệu pháp lý chứng minh nhà thầu đã hoàn thành (Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Hóa đơn	6) Some requirements on the contractor's experience and capacity: a) For contractors who have completed similar contracts at Thang Long Thermal Power Plant: Contractors must have completed contracts as an independent main contractor, a member of a consortium, or a subcontractor that meet the following requirements: - For packages 2026/SC08 and 2026/SC10: at least two similar contracts, as of January 1, 2023. - For package 2026/SC14: at least one similar contract as of January 1, 2023. - Supporting documents: Contract documents and legal documents proving the contractor has completed the work (Minutes of acceptance of the project for use or Minutes of contract termination or Final settlement invoice, or Confirmation letter from the investor, Party A, etc.) For contracts where the contractor participated as a member of a joint venture or as a subcontractor, only the value of the work performed by the contractor will be considered. b) For contractors who have not previously executed similar contracts at the Thang Long Thermal Power Plant, the bidding contractor must submit a capability profile to demonstrate their capacity and experience, and also submit the capability profile of any subcontractors (if applicable) for the Investor's consideration and approval. The contractor's capability profile includes, but is not limited to, the following documents to provide the Investor with a basis for evaluating the contractor's capacity and experience: - Business license (Business license with a business line relevant to the content of the bidding package) - Practical experience in repairing similar contracts: + For packages 2026/SC08 and 2026/SC10: at least two similar contracts for repairing CFB boilers for power plants with a capacity exceeding 200MW since January 1, 2023. + For tender package 2026/SC14: at least one similar contract for the repair of a thermal power plant since January 1, 2023. + Supporting documents: Contract documents and legal documents proving the contractor has completed the work (Minutes of acceptance of the project for commissioning or Minutes of contract termination or Final settlement invoices, or Confirmation letters from

quyết toán, hoặc Giấy xác nhận của chủ đầu tư, bên A...) - Về năng lực nhân sự: Cung cấp danh sách nhân sự chủ chốt (Giám đốc dự án, chỉ huy trưởng, nhân viên kỹ thuật, an toàn, thợ hàn TIG với bằng cấp, kinh nghiệm và chứng chỉ liên quan). - Năng lực về thiết bị, công cụ, dụng cụ thi công: Cung cấp danh mục thiết bị, máy móc phục vụ công tác sửa chữa. - Hệ thống quản lý và an toàn: Cung cấp hệ thống quản lý chất lượng (QA/QC), quy trình thi công và kiểm soát chất lượng và biện pháp đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường (nếu có). - Báo cáo tài chính (nếu có). - Thông tin khác (nếu có) c) Chủ đầu tư có thể mời nhà thầu tham giá chào giá chưa từng thực hiện đại tu tại nhà máy Nhiệt điện Thăng Long đến nhà máy để phỏng vấn làm rõ nếu cần thiết.	the investor, Party A, etc.) - Regarding personnel capacity: Provide a list of key personnel (Project Director, site manager, technical staff, safety staff, TIG welders with relevant qualifications, experience and certifications). - Regarding equipment, tools, and construction equipment capacity: Provide a list of equipment and machinery used for repair work. - Management and safety system: Provide a quality management system (QA/QC), construction and quality control procedures, and measures to ensure safety, fire prevention, and environmental protection (if any). - Financial reports (if any). - Other information (if any) c) The investor may invite contractors who have never performed a major overhaul at the Thang Long Thermal Power Plant to the plant for an interview if necessary.
---	--

Chương III. BIỂU MẪU / Chapter III. FORMS

Mẫu số: 01 / Form number: 01

ĐƠN CHÀO CUNG CẤP DỊCH VỤ⁽¹⁾ , ngày tháng năm Gói thầu: _____ [<i>Ghi tên dịch vụ theo thông báo mời chào cung cấp dịch vụ</i>] Tên khách hàng: _____ [<i>Ghi tên khách hàng</i>]	SERVICE PROVISION FORM ⁽¹⁾ , day..... month year Bidding Package: _____ [<i>Enter service name according to the service solicitation notice</i>] Customer Name: _____ [<i>Enter customer name</i>]
Kính gửi: [<i>Điền đầy đủ và chính xác tên của khách hàng</i>]	To: [<i>Enter customer's name completely and accurately</i>]
Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời chào giá [<i>và văn bản sửa đổi hồ sơ mời chào giá số _____ Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có</i>] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [<i>Ghi tên nhà cung cấp</i>], có địa chỉ tại _____ [<i>Ghi địa chỉ của nhà cung cấp</i>] cam kết thực hiện dịch vụ _____ [<i>Ghi tên dịch vụ</i>] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời chào giá với cùng với bảng chào giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [<i>Ghi thời gian thực hiện công việc theo Mục 3, Chương II – yêu cầu cung cấp dịch vụ, của Hồ sơ mời chào giá</i>] kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Chúng tôi cam kết: 1. Có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với dịch vụ cung cấp trong Hồ sơ chào giá 2. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này với tư cách là nhà cung cấp chính. 3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật. 4. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời chào	After studying the Invitation to bid documents [<i>and the Invitation to bid documents amendment document No. _____ Write the number of the amendment document, if any</i>] that we have received, we, _____ [<i>Write the name of the supplier</i>], located at _____ [<i>Write the address of the supplier</i>] commit to perform the service _____ [<i>Write the name of the service</i>] in accordance with the requirements of the Invitation to bid documents together with the attached quotation. The contract performance period is _____ [<i>Write the time to perform the work according to Section 3, Chapter II - Service provision requirements, of the Invitation to bid documents</i>] from the effective date of the contract. We commit to: 1. Having registered a business line in accordance with the services provided in the Bidding documents 2. Only participating in this proposal as the main supplier. 3. Not in the process of dissolution; not being concluded to be in a state of bankruptcy or insolvency according to the provisions of law. 4. The information declared in the proposal is true. If our proposal is accepted, we will implement measures to ensure the performance of the contract according to the provisions of the Invitation to bid

giá. Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày ⁽⁴⁾ , kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ ⁽⁵⁾ .	documentss. This bid document is valid for a period of _____ days ⁽⁴⁾ , from the date _____ month _____ year _____ ⁽⁵⁾ .
--	---

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]
Legal representative of the supplier
[Name, title, signature and seal]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của khách hàng, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

(5) Ghi ngày hết hạn nộp Hồ sơ chào giá theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Note:

(1) The supplier must fill in the information about the name of the client, the supplier, the effective date of the proposal, signed and stamped by the legal representative of the supplier (if any) completely and accurately.

(4) Record the number of effective dates according to the requirements of the Invitation to bid documents.

(5) Record the deadline for submitting the Bidding documents according to the regulations of the Invitation to bid documents.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ Gói thầu: _____ [Ghi tên dịch vụ theo thông báo mời chào cung cấp dịch vụ] Nhà cung cấp: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp] SUMMARY OF OFFERS Bidding Package: _____ [Enter service name according to the service solicitation notice] Supplier: _____ [Enter full name of supplier]
--

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)*(5)	(7)
I	2026 /SC0 8	Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 1 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW (nhà thầu cam kết có bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn) / Minor repair of boiler for unit 1 at Thăng Long Thermal Power Plant 2x300MW (The contractor commits to providing a performance guarantee if selected)					



Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1	1802 .02.0 513	Thuê khoán: Thuê giáo, vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ sửa chữa trong và ngoài lò (như phục vụ sửa chữa thiết bị cơ khí và bề tổng chịu nhiệt của buồng đốt, đuôi lò, đường khói ngang, cyclone, hộp gió, EHE và các thiết bị khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư): Công việc lắp đặt, tháo dỡ phải tuân theo tiêu chuẩn BS1139, TCVN 13662: 2023 và phải thực hiện liên tục 24/24h đảm bảo tiến độ sau khi Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng (Công việc bắc giáo buồng đốt lò hơi (cao 18m) không được quá 48h, công việc bắc giáo đường khói ngang và cyclone không được quá 48h tính từ thời điểm chủ đầu tư bàn giao mặt bằng và công việc tháo giáo không quá 24h tính từ khi TLP thử áp xong). Nhà thầu cung cấp ống giáo, khóa giáo, sạp giáo, thang... và công cụ liên quan phục vụ thi công. Ống, khóa, sạp giáo, thang và công cụ liên quan phải tuân theo tiêu chuẩn BS1139, TCVN 13662: 2023. Nhân lực lắp đặt, tháo dỡ phải có chứng chỉ liên quan về lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo và có ít nhất 2 người giám sát lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo (1 cho ca ngày, 1 cho ca đêm), người giám sát phải có chứng chỉ liên quan về giám sát lắp đặt giàn giáo. Khối lượng tính = Dài x Rộng x Cao hoặc thể tích khu vực lắp đặt (Không tính kích thước phần giáo làm biệp pháp an toàn). Outsourcing service: Hire scaffolding, Transporting, installing and dismantling scaffolding for repairing inside and outside of the furnace (Such as mechanical part and refractory of Furnance, horizontal air duct, cyclone, duct burner, EHE and other equipment follow the requirement of The Owner): The installation and dismantling work must follow the BS1139, TCVN 13662: 2023 standard and work continuously 24/24h to ensure the progress after the owner hands over the equipments (The work of erecting scaffolding for furnace (height 18m) is less than 48 hours from the time which TLP hands over equipment and the work of erecting scaffolding for horizontal air duct and cyclone is less than 48 hours from the time which TLP hands over equipment. The work of dismantling scaffolding for furnace is less than 24 hours from the time which finishing hydrostatic test for boiler) Contrator provides scaffolding, clamps, platforms... and related tools for erection. All scaffolding, clamps, platforms must follow the BS1139, TCVN 13662: 2023. Installation and dismantling personnel must have related certificate in scaffolding installation and dismantling and minimum 2 supervisors on scaffolding installation and dismantle works who have related certificate in scaffolding installation and dismantling. The volume will be counted as length * with * height (do not include dimension as a safety measure)	M3	10.00 0			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2	1802 .02.1 044	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 8mm ≤ OD ≤ 12 mm; chiều dày ống ≤ 4 mm. Cô kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 2 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 8mm ≤ OD ≤ 16 mm; pipe thickness ≤ 4 mm working on weekdays Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 2 pipes). Replace new pipe and reweld Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	10			
I.3	1802 .02.0 514	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 12mm ≤ OD ≤ 33 mm; chiều dày ống ≤ 6 mm: Bóc dỡ bảo ôn. Cô kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 2 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 12mm ≤ OD ≤ 33 mm; pipe thickness ≤ 6 mm: Remove insulation. Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 2 pipes). Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	10			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.4	1802 .02.0 515	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 33mm $\leq$ OD $<$ 55 mm; chiều dày ống $\leq$ 8 mm: Bóc dỡ bảo ôn. Cô kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 2 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 33mm $\leq$ OD $<$ 55 mm; pipe thickness $\leq$ 8mm: Remove insulation. Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 2 pipes). Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	12			
I.5	1802 .02.0 516	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 55mm $\leq$ OD $<$ 77 mm; chiều dày ống $\leq$ 10 mm: Bóc dỡ bảo ôn. Cô kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 2 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 55mm $\leq$ OD $<$ 77 mm; pipe thickness $\leq$ 10 mm: Remove insulation. Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 2 pipes). Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	18			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.6	1802 .02.0 517	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 89 mm; chiều dày ống ≤ 13 mm: Bóc dỡ bảo ôn. Cắt bỏ ống cũ. Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 89 mm; pipe thickness ≤ 13 mm: Remove insulation. Pull, cut old pipe. Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	10			
I.7	1802 .02.0 525	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để thay thế van DN80 đường ống áp lực cao: Tháo dỡ lớp bảo ôn, cắt bỏ van cũ, thay thế và hàn lại van mới, bọc lại bảo ôn sau khi hoàn thành. Chủ đầu tư cung cấp van, ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to replace high-pressure pipeline valve DN80: Remove the insulation layer, cut old valve and replace and re-weld the new valve, cover insulation after completion and complete all above works. The Owner provides valve, pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	16			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.8	1802 .02.0 526	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để thay thế van DN65, DN50 đường ống áp lực cao: Tháo dỡ lớp bảo ôn, cắt bỏ van cũ, thay thế và hàn lại van mới, bọc lại bảo ôn sau khi hoàn thành. Chủ đầu tư cung cấp van, ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to replace high-pressure pipeline valve DN65, DN50: Remove the insulation layer, cut old valve and replace and re-weld the new valve, cover insulation after completion and complete all above works. The Owner provides valve, pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	16			
I.9	1802 .02.0 527	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để thay thế van DN40, DN32 đường ống áp lực cao: Tháo dỡ lớp bảo ôn, cắt bỏ van cũ, thay thế và hàn lại van mới, bọc lại bảo ôn sau khi hoàn thành. Chủ đầu tư cung cấp van, ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to replace high-pressure pipeline valve DN40, DN32: Remove the insulation layer, cut old valve and replace and re-weld the new valve, cover insulation after completion and complete all above works. The Owner provides valve, pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	16			
I.10	1802 .02.0 528	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để thay thế van DN25, DN20, DN15, DN10 đường ống áp lực cao: Tháo dỡ lớp bảo ôn, cắt bỏ van cũ, thay thế và hàn lại van mới, bọc lại bảo ôn sau khi hoàn thành. Chủ đầu tư cung cấp van, ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to replace high-pressure pipeline valve DN25, DN20, DN15, DN10: Remove the insulation layer, cut old valve and replace and re-weld the new valve, cover insulation after completion and complete all above works. The Owner provides valve, pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	16			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1 1	1802 .02.0 518	Dịch vụ thuê khoan hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống buồng đốt lò hơi với đường kính ống ngoài 55mm $\leq$ OD < 77 mm; chiều dày ống $\leq$ 10 mm, ống thép các bon: Cỗ kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 3 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện lại các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace furnace tubes of boiler with outside diameter 55mm $\leq$ OD < 77 mm; pipe thickness $\leq$ 10 mm, carbon steel tubes: Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 3 pipes). Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Weldi ng joints	154			
I.1 2	1802 .02.0 570	Dịch vụ thuê khoan hàn TIG để hàn đắp sửa chữa đường ống chịu áp lực lò hơi: vệ sinh đường ống; đục bê tông gần đường ống để hàn ống (nếu có), hàn đắp đoạn ống bị mòn theo yêu cầu. Ống thép, đường kính ngoài ống 33mm $\leq$ OD $\leq$ 77mm; chiều dày ống $\leq$ 15mm. Chiều rộng hàn đắp lớn nhất là 55mm, chiều dày hàn đắp theo yêu cầu Chủ đầu tư. Chủ đầu tư cung cấp que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for surface welding to weld and repair pressure tube of boiler: Clean tubes, chisel refractory (if any); welding surface worn area of tubes as per requirement of TLP. Steel pipes, diameter outside the pipe 33mm $\leq$ OD $\leq$ 77mm; pipe thickness $\leq$ 15mm. The largest fillet welding width is 55mm, welding layers thickness is required by the TLP. The Owner provides welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	m	32			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1 3	1802 .02.0 571	Dịch vụ thuê khoan hàn TiG để hàn đắp và xử lý nhiệt sửa chữa đường ống chịu áp lực: Vệ sinh đường ống; đục bê tông gần đường ống để hàn ống (nếu có); hàn đắp đoạn ống bị mòn theo yêu cầu; Xử lý nhiệt và hoàn thiện lại công việc sửa chữa. Ống thép, đường kính ngoài ống 33mm≤ OD ≤77mm; chiều dày ống ≤15mm. Chiều rộng hàn đắp lớn nhất là 55mm, chiều dày hàn đắp theo yêu cầu Chủ đầu tư. Chủ đầu tư cung cấp que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for surface welding and postweld heat treatment to weld and repair pressure tube: Clean pipes; Welding of worn pipe sections as per requirement of TLP; postweld heat treatment after welding; complete the repair work. Steel pipe, pipe outside diameter 33mm≤ OD ≤77mm; tube thickness ≤15mm. The largest fillet welding width is 55mm, welding layers thickness is required by the TLP. The Owner provides welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	m	2			
I.1 4	1802 .02.0 572	Dịch vụ thuê khoan cắt, hàn men ống buồng đốt lò hơi. Khối lượng sẽ tính là chiều dài tám men được thay thế hoặc sửa chữa: Cắt, mài thép tám men ống, chỉ tiết liên quan. Cắt - hàn, căn chỉnh men ống sau khi hoàn thiện việc kiểm tra hoặc thay thế ống và hoàn thiện lại các công việc trên (Thép men ống: Thép carbon hoặc hợp kim, Kích thước: Rộng <100mm, dày 6mm). Chủ đầu tư cung cấp thép men ống và các chi tiết liên quan, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for cutting, welding the furnace tube fins of boiler. Quantity will be counted as the length of furnace tube fins to be replaced or repaired: Cut- grinding tube fins of furnace and relevant parts, Cut - reweld fins of furnace after finishing checking work or replacing tubes, cover insulation and finishing all above works (Fin specification: Carbon steel or alloy steel, specification: wide < 100, thickness 6mm). TLP providess fins and relevant parts, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	480			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1 5	1802 .02.1 368	Dịch vụ thuê ngoài sửa chữa tấm chắn phòng mòn ống buồng đốt: Cắt tấm cũ, hàn sửa chữa hoặc thay thế tấm mới (chiều rộng 50-100mm), vật liệu tấm: ZG15Cr22Ni7MoNRe hoặc tương đương. Khối lượng được tính là m dài thi công, sửa chữa. Chủ đầu tư cung cấp vật tư tấm chắn phòng mòn, que hàn tại kho nhà máy Outsourcing service for repairing anti-erosion plate for furnace tube: Cutting damaged, weld - repair or replacing new one (Plate wide: 50-100), Plate material: ZG15Cr22Ni7MoNRe or equivalent. Quantity will be counted as the length of repaired length The owner provides anti-erosion plates, welding material at the warehouse of the plant	M	100			
I.1 6	1802 .02.0 544	Dịch vụ thuê khoán thay đầu nắm gió ở bên trong lò hơi, quy cách đầu nắm gió: D112x135 or D92x135 vật liệu thép A 297M HH: Tháo đầu nắm gió hỏng tại vị trí lắp đặt, vận chuyển về kho nhà máy; lắp đặt và hàn đầu nắm gió mới vào vị trí (Chỉ tiết có thể được thay thế chi tiết 1 và chỉ tiết liên quan, bản vẽ tham khảo 541-0234-2-0 hoặc chi tiết có thể được thay thế chi tiết 1, 2 và chỉ tiết liên quan, bản vẽ tham khảo 541-1302-614-0). Chủ đầu tư cung cấp nắm gió mới, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing fluidization nozzles inside of boiler, the specification of fluidization: D112x135 or D92x135 material: A 297M HH: : Removing damaged fluidization nozzles on side and transport it to the warehouse of plant, assemble and reweld new fluidization (The parts can be replaced such as no.1 and related parts, reference drawing: 541-0234-2-0 or the part can be replaced such as no. 1, 2 and related part, reference drawing: 541-1302-614-0) The owner providess fluidization nozzles, welding material at the warehouse of plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/ Pcs	200			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1 7	1802 .02.0 554	Dịch vụ thuê khoán bóc, bọc bảo ôn phục vụ sửa hoặc thay thế với chiều dày các lớp bảo ôn từ 80 đến 250 mm: Tháo tôn bảo ôn, lưới thép, đỡ bảo ôn, hàn lại neo, thép V bảo ôn, bọc lại bảo ôn, lắp lưới thép, lắp tôn bảo ôn và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp tôn, thép v, bảo ôn, vít bắn tôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for removing insulation, installation to serve repair or replacing with total of insulation layers is from 80 up to 250 mm: Remove old aluminium alloy plate, cutting steel mesh (if any), remove insulation, welding insulation anchor, installation insulation, steel mesh, aluminium alloy plate and complete above works. The owner provides aluminium alloy plate, V shape steel, insulation and screw at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M2	250			
I.1 8	1802 .02.0 558	Dịch vụ thuê khoán chèn bông bảo ôn tại khớp giãn nở khu vực lò hơi: vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ thi công (Khối lượng được tính riêng theo khối lượng bắc giáo), chèn bông bảo ôn tại các khe co giãn bị hỏng theo yêu cầu. Diện tích chèn bông bảo ôn được tính bằng chiều sâu bông được chèn * chiều dài khe giãn nở được chèn. Chủ đầu tư cung cấp bông bảo ôn tại kho trong nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for inserting insulation at the expansion joint of the boiler area: Transport, install, dismantle scaffolding for construction (The volume will be counted separately for installation scaffolding), insert insulation at damaged expansion joints as required. The volume is calculated as insulation inserted depth * insulation inserted length. The owner provides insulation at the warehouse in the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M2	50			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1 9	1802 .02.0 519	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống EHE) của lò hơi với đường kính ống ngoài 33mm $\leq$ OD $<$ 55 mm; chiều dày ống $\leq$ 9 mm: Cô kéo, căn chỉnh ống. Cắt bỏ ống cũ, cắt ống - nhấn bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của chủ đầu tư), hàn ống lót - nhấn bảo vệ (nếu có) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure tubes(EHE tubes) of boiler with outside diameter 33mm $\leq$ OD $<$ 55 mm; pipe thickness $\leq$ 9mm: Pull, align tubes, Cutting old tubes (or pipes), cutting sleeves (if any) and replace new tubes, welding and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Weldi ng joints	72			
I.2 0	1802 .02.0 520	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống EHE) lò hơi với đường kính ống ngoài 55mm $\leq$ OD $<$ 77 mm; chiều dày ống $\leq$ 10 mm: Cô kéo, căn chỉnh ống. Cắt bỏ ống cũ, cắt ống - nhấn bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của chủ đầu tư), hàn ống lót - nhấn bảo vệ (nếu có) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure tubes (EHE tubes) of boiler with outside diameter 55 mm $\leq$ OD $<$ 77 mm; tube thickness $\leq$ 10 mm: Pull, align tubes, Cutting old tubes (or pipes), cutting sleeves (if any) and replace new tubes, welding and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Weldi ng joints	48			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2 1	1802 .02.0 521	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG và xử lý nhiệt để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống EHE) của lò hơi với đường kính ống ngoài 33mm $\leq$ OD < 55 mm; chiều dày ống $\leq$ 9 mm: Cô kéo, căn chỉnh ống, Cắt bỏ ống cũ, Cắt ống lót - nhân bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của TLP), hàn ống lót - nhân bảo vệ (nếu có), xử lý nhiệt sau khi hàn (theo quy trình của chủ đầu tư và yêu cầu mỗi một kênh một mối hàn) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding and postweld heat treatment to repair, replace pressure tubes (EHE tubes) of boiler with outside diameter 33mm $\leq$ OD < 55 mm; pipe thickness $\leq$ 9mm: Pull, align tubes, Cutting old tubes (or pipes) and replace new tubes, welding (Follow the welding procedure of TLP), postweld heat treatment (Follow the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mối hàn/ Welding joints	8			
I.2 2	1802 .02.0 529	Dịch vụ thuê khoán thay thế hoặc sửa chữa tấm kết nối giàn ống EHE - Lò hơi (L127x68x59 hoặc L162x91x68 dày 10 mm, vật liệu 310s): Cắt tấm kết nối giàn ống cũ, cắt - hàn thay thế hoặc sửa chữa tấm kết nối và hoàn thiện các công việc nêu trên. 2 tấm kết nối L liên kết hai giàn ống được tính là một bộ (Chỉ tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa: No.6 và No.7, bản vẽ tham khảo: 541-0316-0 hoặc No 32 và No 33, bản vẽ tham khảo 541-0404-1-0 hoặc no.36 và no.37, bản vẽ tham khảo: 541-0404-2-0) Chủ đầu tư cung cấp tấm kết nối, thép L, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing or repairing tube coil connecting plate EHE - Boiler (L127x68x59 or L162x91x68, thickness: 10 mm, material 310s): Cutting old connecting plate, cutting - welding connecting plate or repairing connecting plate and complete above works. 2 connecting plate which it is used to connect two tube coil to be counted as 1 set (The part can be replaced or repaired: No.6 and No.7, Reference drawing: 541-0316-0 or No 32 and No 33, Reference drawing: 541-0404-1-0 or No 36 and No 37, Reference drawing: 541-0404-2-0) The owner provides connecting plate, L shape steel, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/ Set	180			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2 3	1802 .02.0 530	Dịch vụ thuê khoán thay thế hoặc sửa chữa thân giằng giữ ống treo EHE - Lò hơi (80x69 hoặc 122x80, vật liệu 310s): Cắt thân giằng giữ ống cũ, đai, nhãn bảo vệ ống. Hàn thay thế hoặc sửa chữa nhãn bảo vệ, tấm đỡ, thân giằng giữ ống, đai và hoàn thiện các công nêu trên (Chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa: No.27 và chi tiết liên quan, bản vẽ tham khảo: 541-0316-1-0 hoặc No.30 và chi tiết liên quan, bản vẽ tham khảo: 541-0404-1-0) Chủ đầu tư cung cấp thân giằng, đai, nhãn bảo vệ, tấm đỡ, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing or repair connecting body between two hanger tube of EHE-Boiler (80x69 or 122x80, material 310s): Cutting connecting body, sleeve, collar, plate and complete above works Welding - replace or repair connecting body, sleeve, collar, plate and complete above works (The part can be replaced or repaired: No.27 and related part. Reference drawing: 541-0316-1-0 or no.30 and related parts. Reference drawing: 541-0404-1-0) The owner provides connecting body, sleeve, collar, plate and welding material at the warehouse of plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/Se t	16			
I.2 4	1802 .02.0 542	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG thay mới kẹp ống hoặc sửa chữa kẹp ống EHE-Lò hơi (Ø47xØ34.8x60 hoặc Ø62xØ45.6x75): Cắt ống treo (khối lượng mới hàn ống treo sẽ được tính riêng cho mỗi hàn ống), Cô kéo giằng ống, cắt tấm kẹp cũ hỏng, thay thế kẹp mới hoặc sửa chữa và hoàn thiện các công việc nêu trên (Chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa: No.25. Bản vẽ tham khảo: 541-0316-1-0 hoặc no.23. Bản vẽ tham khảo: 541-0404-1-0) Chủ đầu tư cung cấp que hàn, kẹp ống tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to replace, repair tube clamp support of EHE tube - Boiler (Ø47xØ34.8x60 or Ø62xØ45.6x75): Cutting hanger tube (amount welding joints of hanger tube will be calculated separately follow the welding joints of tube), pull tube coil, cutting damaged tube clamp support, replace new tube clamp support or repair and finishing all above works (The part can be replaced or repaired: No.25. Reference drawing: 541-0316-1-0 or no.23. Reference drawing: 541-0404-1-0) The Owner provides welding material, tube clamp support at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/P cs	250			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2 5	1802 .02.0 543	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG thay mới hoặc sửa chữa đai ống EHE-Lò hơi (đai ống: Ø52x4x50 hoặc Ø53x4x80 hoặc Ø66x4x80 hoặc Ø76.5x6x60): Cắt ống treo (nếu cần thiết - khối lượng mới hàn ống treo sẽ được tính riêng cho mỗi hàn ống), cô kéo giàn ống, cắt đai cũ hỏng, thay thế đai mới hoặc sửa chữa (Sửa chữa theo yêu cầu chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc nêu trên (Các chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa: chi tiết 26, 29. Bản vẽ tham khảo: 541-0316-1-0 hoặc chi tiết 24, 31. Bản vẽ tham khảo: 541-0404-1-0) Chủ đầu tư cung cấp que hàn, đai ống tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to replace, repair tube collar of EHE tube - Boiler (collar: Ø52x4x50 or Ø53x4x80 or Ø66x4x80 or Ø76.5x6x60): Cutting hanger tube (if necessary - amount welding joints of hanger tube will be calculated separately follow the welding joints of tube), pull tube coil, cutting damaged tube collar, replace new tube collar or repair (Follow the requirement of TLP) and finishing all above works (The part can be replaced or repaired such as no. 26, 29. Reference drawing: 541-0316-1-0 or no.24, 31. Reference drawing: 541-0404-1-0) The Owner provides welding material, tube collar at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/P cs	520			
I.2 6	1802 .02.0 531	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG lắp đặt thêm hoặc sửa chữa đai công ống EHE - Lò hơi, bản vẽ tham khảo: ĐO- HTR-EHE101-401 hoặc ĐO-ITS2-EHE201-301, Một bộ bao gồm 4 đai ống, 1 tấm nối và 4 tấm tăng cứng: Vệ sinh, lắp đặt, hàn đai ống, tấm nối tấm gia cường hoặc sửa chữa. Chủ đầu tư cung cấp đai ống, tấm nối, tấm tăng cứng, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to install additional collars of EHE - Boiler. Reference drawing: ĐO- HTR-EHE101-401 or ĐO-ITS2-EHE201-301, one set includes 4 collars, 1 connecting plate and 4 stiffeners: Clean, install, weld collars, connecting plate, stiffeners or repair. The owner provides collars, connecting plate, stiffener, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/Set t	180			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2 7	1802 .02.0 522	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống bộ hâm) của lò hơi với đường kính ống ngoài 38.1 mm; chiều dày ống ≤ 6 mm, ống thép các bon: Cô kéo, căn chỉnh ống. Cắt bỏ ống cũ. Cắt ống, ốp bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của chủ đầu tư). Hàn lại ống, ốp bảo vệ (nếu có) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure tubes (Economizer tubes) of boiler with outside diameter 38.1 mm; pipe thickness ≤ 6 mm, carbon steel tubes: Pull, align tubes, cut old tubes (or pipes), Cut sleeves, protection shield (if need), replace new tubes, welding and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	300			
I.2 8	1802 .02.0 523	Thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống tái nhiệt nhiệt độ thấp LTR, quá nhiệt tường bao đuôi lò) của lò hơi với đường kính ống ngoài 55 $\leq$ OD < 70 mm; chiều dày ống ≤ 8 mm: Cô kéo, căn chỉnh ống. Cô kéo tấm mài mòn (nếu cần). Cắt bỏ ống cũ. Cắt ống, ốp bảo vệ (nếu có). Thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của chủ đầu tư), hàn ống, ốp bảo vệ (nếu có) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure tubes (LTR tubes, backpss superheater tube) of boiler with outside diameter 55 $\leq$ OD < 70; tube thickness ≤ 8 mm: Pull, align tubes, pull anti-erosion (if need), Cutting old tubes (or pipes), cutting sleeves or protection shield (if any) bending tube (if necessary) and replace new tubes, welding and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material	Mỗi hàn/ Welding joints	10			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2 9	1802 .02.0 524	Dịch vụ thuê khoan hàn TIG và xử lý nhiệt sau khi hàn để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống quá nhiệt độ cao tầng 12 dưới lò HTS) lò hơi với đường kính ống ngoài 50 mm <= OD < 57mm; chiều dày ống <= 6 mm: Cô kéo, căn chỉnh ống, Cắt bỏ ống cũ, Cô kéo tấm chống mài mòn (nếu cần). Cắt ống, ốp bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của TLP). Hàn ống, ốp bảo vệ (nếu có), xử lý nhiệt sau khi hàn (theo quy trình của chủ đầu tư và yêu cầu mỗi kênh một mối hàn); hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding and postweld heat treatment after welding to repair, replace pressure tubes (HTS tube at 12th floor of backpass) of boiler with outside diameter 50 <= OD < 57; tube thickness <= 6 mm: Pull, align tubes, pull anti-erosion (if need), Cutting old tubes (or pipes) and replace new tubes, welding (Follow the welding procedure of TLP), postweld heat treatment (Follow the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material	Mối hàn/ Welding joints	6			
I.3 0	1802 .02.0 573	Dịch vụ thuê khoan cắt, hàn men ống quá nhiệt tường bao dưới lò hơi. Khối lượng sẽ tính là chiều dài tám men được thay thế hoặc sửa chữa: Cắt, mài thép tám men ống và chi tiết liên quan. Cắt - hàn, căn chỉnh men ống sau khi TLP hoàn thiện việc kiểm tra hoặc thay thế ống và hoàn thiện lại các công việc trên (Thép men ống: Thép carbon hoặc hợp kim, Kích thước: Rộng <100mm, dày 6mm). Chủ đầu tư cung cấp que hàn, men ống tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for cutting, welding the backpass superheater tube fins of boiler. Quantity will be counted as the length of fins to be replaced or repaired: : Cut- grinding tube fins of backpass superheater tube and relevant parts, Cut - reweld fins of backpass superheater tube after TLP finish checking work or replacing tubes and finishing all above works (Fin specification: Carbon steel or alloy steel, specification: wide < 100, thickness 6mm). The Owner provides welding rods, tube fins at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	20			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.3 1	1802 .02.0 557	Dịch vụ thuê khoán hàn Tig sửa chữa, thay thế đường ống thổi bụi. ống thép inox310S, D89x5.54mm: Cắt đoạn ống bị hỏng, sửa chữa lại hoặc thay thế đoạn ống mới, gia công mới lỗ phun hơi, sửa chữa gia cố lại giá đỡ, lắp thêm giá đỡ mới theo yêu cầu Chủ đầu tư (giá đỡ do Chủ đầu tư gia công sẵn); Chủ đầu tư cung cấp ống thép Inox, que hàn, giá đỡ, vật tư lỗ phun hơi, bu lông tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to repair and replace the sootblower pipe. Stainless steel pipe 310S, D89x5.54mm: cut the broken pipe, repair or replace the new pipe, process new steam holes, repair and reinforce the rack, install a new bracket at the request of the Investor. The TLP provides stainless steel pipes, welding rods, brackets, steam hole materials, bolts at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	m	120			
I.3 2	1802 .02.0 555	Dịch vụ thuê khoán cắt, hàn tấm chắn lửa bộ hâm, LTR để phục vụ kiểm tra, sửa chữa ống (tấm chắn lửa bộ hâm dày 6mm, thép các bon): Cắt tấm chắn lửa thép dày 6mm (Thép các bon), cắt thép U150 (Thép các bon) gia cường tấm chắn lửa để kiểm tra bộ hâm, LTR sau đó hàn lại tấm chắn lửa, thép U150 và hoàn thiện lại các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tấm, U150 tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for cutting economizer casing skin, LTR casing skin steel to serve checking or replacing tube (Casing skin steel: Carbon steel with thickness: 6mm): Cutting the plate steel with thickness: 6mm (carbon steel), cut U150 (Carbon steel) shape steel to check ECO, LTR tubes and then re-weld casing skin, U150 steel and complete the above works. The owner provides welding rods, steel plates, U150 at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M2	110			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.3 3	1802 .02.0 556	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa mối hàn tấm chắn lửa bộ hâm, LTR (tấm chắn lửa bộ hâm dày 6mm, thép các bon). Khối lượng sẽ được tính là tổng mét dài mối hàn được sửa chữa: Vệ sinh, cắt, mài mối hàn và hàn lại theo yêu cầu của chủ đầu tư. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tấm tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing welding joint of economizer casing skin, LTR casing skin steel (Casing skin steel: Cacbon steel with thickness: 6mm). Quantity will be counted as the length of welding joint to be repaired: Clean, cut, grind welding joint and reweld following the requirement of TLP. The owner providess welding rods, steel plates at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	40			
I.3 4	1802 .02.0 559	Dịch vụ thuê khoán thay thế hoặc sửa chữa ống phòng mòn cho ống treo ống quá nhiệt đuôi lò. Đường kính ngoài ống phòng mòn D120. Bản vẽ tham khảo ống phòng mòn TAPM-001: Tháo ống phòng mòn cũ, bảo ôn của ống quá nhiệt. Vệ sinh, bọc lại bảo ôn của ống quá nhiệt đuôi lò. Lắp đặt ống phòng mòn mới (ống gồm 2 nửa), tấm gia cường, bắt bộ bu lông liên kết M12x30, hàn đính đầu bu lông, hàn đính cố định lại ống phòng mòn và hoàn thiện lại các công việc trên or sửa chữa ống phòng mòn cũ. Khối lượng tính là chiều dài của ống phòng mòn được lắp đặt mới hoặc sửa chữa. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, ống phòng mòn, tấm gia cường, bộ bu lông, bông bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing or repairing protectors of backpass superheater hanger tubes. The diameter of protector: D120, reference drawing: TAPM-001: Dismantle the damaged protectors, insulation of hanger tubes. Cleaning and Reinstall insulation of hanger tubes. Install new protectors (including 2 parts), new stiffeners, bolts and tack welding for bolts and protectors and complete the above works or repairing protectors. The volume will be counted as length of protector (including 2 parts). The owner provides welding material, protectors, stiffeners, set of bolts, insulation at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	90			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.3 5	1802 .02.0 574	Dịch vụ thuê khoán thay thế hoặc sửa chữa ống phòng mòn cho ống quá nhiệt tường bao đuôi lò: Tháo ống phòng mòn cũ, bảo ôn của ống quá nhiệt tường bao. Vệ sinh, bọc lại bảo ôn của ống quá nhiệt tường bao đuôi lò. Lắp đặt, hàn ống phòng mòn mới (Các chi tiết có thể được thay thế: 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và các chi tiết liên quan. Bản vẽ tham khảo: 541-0313-1-0) và hoàn thiện các công việc trên or sửa chữa ống phòng mòn. Khối lượng tính là chiều dài của một cụm ống quá nhiệt tường bao được bọc hoặc sửa chữa. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, ống phòng mòn, bông bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing or repairing protectors of backpass superheater tubes: Dismantle the damaged protectors, insulation. Cleaning and Reinstall insulation of backpass superheater tubes. Install and weld new protectors (The parts can be replaced such as No.6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 and related parts. Reference drawing 541-0313-1-0) and finishing all above works or repair: The volume will be counted as the length of covered backpass superheater tubes) The owner provides welding material, protectors, insulation at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	20			
I.3 6	1802 .02.0 532	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG lắp đặt mới tấm ốp phòng mòn bộ hâm, tái nhiệt, quá nhiệt. Tấm ốp (ốp thẳng) phòng mòn ống bộ hâm, quá nhiệt, tái nhiệt: Ø39, Ø51, Ø70, dài 200, dày 3mm và tấm nối (Đại kệp) dài 25, dày 3mm: Vệ sinh, kéo tấm chống mài mòn (Nếu cần), lắp tấm phòng mòn ống Ø39, Ø51, Ø70, dài 200, dày 3mm và tấm nối (Đại kệp) dài 25, dày 3mm và hoàn thiện công việc trên. Một bộ bao gồm tấm phòng mòn và 2 tấm nối (Đại kệp). Chi tiết có thể được thay thế là chi tiết 1, 4, 6 và đại kệp liên quan, bản vẽ tham khảo: TOPMDL-001). Chủ đầu tư cung cấp que hàn TIG, tấm phòng mòn và tấm nối tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to install new protection shield for economizer tubes, HTS, LTR. Protection shield (Straight type) Ø39, Ø51, Ø70, Length: 200 mm, thickness: 3mm: Cleaning, pull anti vibration plate (if need), Install protection shield Ø39, Ø51, Ø70, Length: 200 mm, thickness: 3mm and Clamps with length: 25mm, thickness: 3mm. a set includes one protection shield and Two clamps or repair protection shield (The part can be replaced or repaired such as no.1, 4, 6 and related collars, reference drawing: TOPMDL-001) TLP provides TIG welding rods, protection shields and clamps at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/Se t	1.250			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.3 7	1802 .02.0 769	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG lắp đặt mới tấm ốp phòng mòn bộ hâm (ốp thẳng) Ø39, dài 150 mm (1 bộ gồm 2 tấm ốp, Bản vẽ tham khảo: Dw: TOPMDL-002, Chi tiết 1): Vệ sinh, cô kéo, lắp đặt theo yêu cầu của TLP và bản vẽ tham khảo. Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to install new protection shield for economizer (Straight type) Ø39, Length: 150 mm (1 set including 2 detail no.1, Reference drawing Dw: TOPMDL-002, detail no.1): Cleaning, pull, installation following the requirement of TLP and reference drawing. TLP provides welding material, protection shield at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/Se t	800			
I.3 8	1802 .02.0 534	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG sửa chữa, thay thế tấm ốp phòng mòn bộ hâm, tái nhiệt, quá nhiệt. Tấm ốp (ốp thẳng) phòng mòn ống bộ hâm, quá nhiệt, tái nhiệt: Ø39, Ø51, Ø70, dài 200, dày 3mm và tấm nối (Đại kẹp) dài 25, dày 3mm: Vệ sinh, kéo tấm chống mài mòn (Nếu cần). Cắt tấm ốp hư hỏng và thay thế bằng tấm ốp mới. Một bộ bao gồm tấm phòng mòn và 2 tấm nối (Đại kẹp). Chi tiết có thể được thay thế là chi tiết 1, 4, 6 và đại kẹp liên quan, bản vẽ tham khảo: TOPMDL-001) Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp, đai tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to repair, replace protection shield for economizer tubes, HTS, LTR. Protection shield (Straight type) Ø39, Ø51, Ø70, Length: 200 mm, thickness: 3mm: Cleaning, pull anti vibration plate (if need). Cut damaged protection shield and replace it. a set includes one protection shield and Two clamps or repair protection shield. The part can be replaced or repaired such as no.1, 4, 6 and related collars, reference drawing: TOPMDL-001. TLP provides welding material, protection shield, clamps at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/Se t	40			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.3 9	1802 .02.0 535	Dịch vụ thuê khoan hàn TIG lắp đặt mới tấm phòng mòn bộ hâm (Tấm ốp góc 90) tấm phòng mòn bộ hâm Ø39 dài 426 mm hoặc 274 mm, dày 3mm và tấm nối (Đại kệp) dài 25, dày 3mm: Vệ sinh, lắp tấm phòng mòn bộ hâm Ø39 dài 426 mm hoặc 274 mm, dày 3mm và tấm nối (Đại kệp) dài 25, dày 3mm. Một bộ bao gồm tấm phòng mòn và 2-3 tấm nối (Đại kệp). Chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa là chi tiết 3, 8 và đai kệp liên quan, bản vẽ tham khảo: TOPMDL-001) Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp, đai tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to install new protection shield for economizer tubes, protection shield Ø39, Length: 426 mm or 274 mm (Bending protection shield), thickness: 3mm and Clamps with length: 25mm, thickness: 3mm: Cleaning, Install protection shield and Clamps. A set includes one protection shield and Two - three clamps or repair protection shield (The part can be replaced such as no.3, 8 and related collars, reference drawing: TOPMDL-001) TLP provides welding material, protection shield, clamps at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/Se t	1.200			
I.4 0	1802 .02.0 537	Dịch vụ thuê khoan hàn TIG lắp đặt sửa chữa, thay thế tấm ốp phòng mòn bộ hâm (Tấm ốp góc 90), tấm phòng mòn bộ hâm Ø39 dài 426 mm hoặc 274 mm, dày 3mm và tấm nối (Đại kệp) dài 25, dày 3mm: Vệ sinh, cô kéo, cắt bỏ tấm ốp phòng mòn cũ hư hỏng và lắp tấm phòng mòn mới. Một bộ bao gồm tấm phòng mòn và 2-3 tấm nối (Đại kệp). Chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa là chi tiết 3, 8 và đai kệp liên quan, bản vẽ tham khảo: TOPMDL-001) Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp, đai tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to repair, replace protection shield for economizer tubes, protection shield Ø39, Length: 426 mm or 274 mm, thickness: 3mm and Clamps with length: 25mm, thickness: 3mm: Cleaning, pull, cutting damaged protection shield and installation new protection Cleaning. A set includes one protection shield and Two - three clamps or repair protection shield (The part can be replaced or repaired such as no.3, 8 and related collars, reference drawing: TOPMDL-001) TLP provides welding material, protection shield, clamps at the warehouse of the plant. The	Bộ/Se t	40			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
		contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.					
I.4 1	1802 .02.0 511	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa, thay mới tấm ốp phòng mòn bộ hâm, tái nhiệt, quá nhiệt đuôi lò khu vực vòi thổi bụi (Bản vẽ tham khảo 541-0405-0): Cắt tấm ốp phòng mòn cũ, hàn - thay thế bằng tấm ốp phòng mòn mới hoặc sửa chữa. Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp, đai tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing protection shield for economizer tube, LTR tube, HTS tube at sootblower area (Reference drawing 541-0405-0): Cut old protection shield, weld and replace new one or repair TLP provides welding material, protection shield, clamps at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/P cs	100			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú /Note
I.4 2	1802 .02.0 538	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa tấm chống mài mòn ống tái nhiệt nhiệt độ thấp (LTR), quá nhiệt nhiệt độ cao (HTS) đuôi lò - lò hơi. Bản vẽ tham khảo 541- 0318-0, 541- 0318-1-0, 541- 0318-2-0: Vệ sinh, cô kéo, thay thế, hoặc hàn sửa chữa và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tròn, tấm chống mài mòn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing LTR anti erosion gratings, HTS anti erosion gratings at the backpass - boiler. Reference drawing: 541- 0318-0, 541- 0318-1-0, 541- 0318-2-0: Cleaning, pull, weld and repair anti-erosion and complete all above works. TLP provides welding material, round bar, anti erosion gratings at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/Se t	20			
I.4 3	1802 .02.0 560	Thuê khoán lắp đặt tấm chắn gió ống bộ hâm, LTR (Quy cách: Rộng 396-399mm, dày 8 mm, vật liệu 310s): Vệ sinh, lắp đặt - hàn tấm chắn gió, gắn tăng cứng (Bản vẽ lắp đặt tham khảo TCGOBH-001, 002). Khối lượng lắp đặt sẽ được tính là chiều dài tấm chắn gió. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, tấm chắn gió, gắn tăng cứng tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for installation protection screen of Eco tubes, LTR tubes (specification: width 396-399 mm, thickness: 8mm, material 310s): Cleaning, installation - welding protection screen, stiffener (installation reference drawing: TCGOBH-001, 002, Installation volume will be counted as the length of protection screen. The owner provides welding material, protection screen, stiffener at the warehouse of plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	54			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.4 4	1802 .02.0 561	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa tấm chắn gió ống bộ hâm, LTR (Quy cách: Rộng 396-399mm, dày 8 mm, vật liệu 310s), khối lượng sẽ được tính là chiều dài mỗi hàn sửa chữa: Cô kéo tấm chắn gió, cắt - mài mỗi hàn và hàn lại theo yêu cầu của TLP Chủ đầu tư cung cấp thép tấm, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for installation protection screen of Eco tubes, LTR tubes (specification: width 396-399 mm, thickness: 8mm, material 310s), the quantity will be counted as the length of welding joint to be repaired: Pull, align old protection screen, cut - grind welding joint and reweld following the request of TLP. TLP providess TIG welding rods, steel at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	12			
I.4 5	1802 .02.0 552	Dịch vụ thuê khoán thay thế, sửa chữa vỏ thép Lò Hơi (EHE, đường khói từ EHE về buồng đốt...) thép I, H, U, V, L, thép tấm...khối lượng sẽ được tính là kg khi khối lượng của mỗi chi tiết được sửa chữa lớn hơn 30 kg: Cắt dầm I, H, U, V, L, Thép tấm hư hỏng. Hàn thay thế hoặc sửa chữa thép tấm hư hỏng, I, H, U, V, L... và hoàn thiện lại các công việc trên. Khối lượng được tính là khối lượng thép được thay thế, sửa chữa Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing damaged casing steel of boiler (EHE, Horizontal air duct...). Plate steel, I, H, U, V, L, the quantity will be kg when weight of each repaired detail more than 30 kg: Cutting I, H, U, V, L Shape steel, damaged plate steel. Welding, replacing or repairing plate steel, I, H, U, V, L Shape and complete all above works. The volume will be counted as replaced steel, repair The owner providess steel, welding rod at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Kg	4000			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.4 6	1802 .02.0 575	Dịch vụ thuê khoán thay thế, sửa chữa vỏ thép Lò Hơi (EHE, đường khói từ EHE về buồng đốt...). Khối lượng sẽ được tính là m hàn (Cho cả hai mặt) khi khối lượng của mỗi chi tiết được sửa chữa nhỏ hơn hoặc bằng 30 kg: Cắt dầm I, H, U, V, L, Thép tấm hư hỏng. Hàn thay thế hoặc sửa chữa thép tấm hư hỏng, I, H, U, V, L, và hoàn thiện lại các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing damaged casing steel of boiler. The quantity will be length of welding joint when weight of each repaired detail less than or equal 30 kg. Cutting I, H, U, V, L Shape steel, damaged plate steel. Welding, replacing or repairing plate steel, I, H, U, V, L Shape and complete all above works. The owner providess steel, welding rod at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	100			
I.4 7	1802 .02.0 545	Dịch vụ thuê khoán tháo, lắp van thử áp đầu vào bộ tái nhiệt (tại nhiệt lạnh) (Van 32', bán vẽ tham khảo D0800.11IG04) phục vụ thử áp lò hơi: Tháo, giải thể van, lắp đặt chi tiết 2, 6, 9 và các chi tiết khác phục vụ việc thử áp. Sau khi thử áp: Tháo, giải thể van, lắp hoàn thiện lại các công việc Chủ đầu tư cung cấp chi tiết van cần thiết của van thử áp tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for dismantling, assembling hydro test valve of reheater inlet pipe (Cold reheat valve) (Valve 32', Reference drawing D0800.11IG04) to serve hydrostatic testing of reheater system: Dismantling all parts of valve and then assembling part no. 2, 6, 9 and other parts to serve hydrostatic testing. After finishing hydrostatic testing work: Dismantling all parts of valve and then reassembling and finishing all above work. The TLP providess all necessary parts of valve at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/P cs	1			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú /Note
I.4 8	1802 .02.0 546	Dịch vụ thuê khoán tháo, lắp van thử áp đầu ra bộ tái nhiệt (Tái nhiệt nóng) (Van 22', bản vẽ tham khảo D0500.11G03) phục vụ thử áp lò hơi: Tháo, giải thể van, lắp đặt chi tiết 3, 5, 7 và các chi tiết khác phục vụ việc thử áp. Sau khi thử áp: Tháo, giải thể van, lắp hoàn thiện lại các công việc Chủ đầu tư cung cấp các chi tiết cần thiết của van thử áp tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for dismantling, assembling hydro test valve of reheater outlet pipe (Hot reheat valve) (Valve 22', Reference drawing D0500.11G03) to serve hydrostatic testing of reheater system: Dismantling all parts of valve and then assembling part no. 3, 5, 7 and other parts to serve hydrostatic testing. After finishing hydrostatic testing work: Dismantling all parts of valve and then reassembling and finishing all above work. The TLP provides all necessary parts of valve at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/P cs	2			
I.4 9	1802 .02.0 581	Dịch vụ thuê khoán hàn lót TIG phủ điện (ống Ø120x28, vật liệu SA-105M) để sửa chữa ống phun giảm ôn LTS-ITS1: Bóc dỡ bảo ôn, cắt đoạn ống cũ, cô - kéo ống phun giảm ôn (Phục vụ TLP kiểm tra tình trạng ống phun giảm ôn). Hàn lại đoạn ống theo quy trình của TLP và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Out sourcing service for hiring TIG welding (root weld) and SMAW welding (pipe Ø120x28, material SA-105M) to repair LTS-ITS1 desuperheating pipe: Remove insulation, cut old pipe, pull desuperheating pipe (To TLP inspects desuperheating pipe condition). Welding pipe (Following the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mối hàn/ Weldi ng joint	2			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.5 0	1802 .02.0 767	Dịch vụ thuê khoán hàn lót TIG phủ điện và xử lý nhiệt (ống Ø116x26, vật liệu SA-336M F12) để sửa chữa ống phun giảm ôn ITS1 - ITS2: Bóc dỡ bảo ôn, cắt đoạn ống cũ, cô - kéo ống phun giảm ôn (Phục vụ TLP kiểm tra tình trạng ống phun giảm ôn). Hàn lại đoạn ống và xử lý nhiệt mới hàn theo quy trình của TLP và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Out sourcing service for hiring TIG welding (root weld) and SMAW welding and postweld heat treatment (pipe Ø116x26, material SA-336M F12) to repair ITS1 - ITS2 desuperheating pipe: Remove insulation, cut old pipe, pull desuperheating pipe (To TLP inspects desuperheating pipe condition). Welding pipe and postweld heat treatment (Following the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joint	2			
I.5 1	1802 .02.0 768	Dịch vụ thuê khoán hàn lót TIG phủ điện và xử lý nhiệt (ống Ø124x30, vật liệu SA-336M F12) để sửa chữa ống phun giảm ôn ITS2 - HTS: Bóc dỡ bảo ôn, cắt đoạn ống cũ, cô - kéo ống phun giảm ôn (Phục vụ TLP kiểm tra tình trạng ống phun giảm ôn). Hàn lại đoạn ống và xử lý nhiệt mới hàn theo quy trình của TLP và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Out sourcing service for hiring TIG welding (root weld) and SMAW welding and postweld heat treatment (pipe Ø124x30, material SA-336M F12) to repair ITS2 - HTS desuperheating pipe: Remove insulation, cut old pipe, pull desuperheating pipe (To TLP inspects desuperheating pipe condition). Welding pipe and postweld heat treatment (Following the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joint	2			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.5 2	1802 .02.0 512	Dịch vụ thuê ngoài lắp đặt van mới và xử lý nhiệt mới hàn, van được lắp đặt trên đường ống hơi chính, van 18", vật liệu thân van: SA-182F91 hàn với đường ống có đường kính Ø445x38.35: Cắt bỏ van cũ, lắp đặt van mới, hàn lót TIG, phủ que hàn và xử lý nhiệt sau khi hàn theo quy trình của TLP Chủ đầu tư cung cấp van, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for installation new valve and postweld heat treatment. The valve is installed on the main steam pipe, valve 18", the material of valve body: SA-182F91 to weld pipe with diameter Ø445x38.35: Cut and remove old valve. Install new valve, weld and postweld heat treatment follow the procedure of TLP. The TLP provides valve, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mối hàn/ Welding joint	2			
I.5 3	1802 .02.0 540	Dịch vụ thuê khoán thay mới bộ giá đỡ vortex: Vệ sinh, gia công và hàn mã treo vortex phục vụ sửa chữa (Tùy thuộc vào biện pháp của nhà thầu), cắt giá đỡ bị hỏng, gắn tăng cứng, hạ vortex xuống thấp để sửa chữa (nếu cần thiết), mài sửa để thay hệ thống giá đỡ mới, kéo vortex lên trên để căn chỉnh, hàn thay giá đỡ mới, gắn tăng cứng và hoàn thiện các công việc trên. Bản vẽ tham khảo: 541-4801-0, VT-001 Chủ đầu tư cung cấp giá đỡ, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing supports of Vortex finder: Cleaning, process and weld hanger point of vortex to serve repair vortex (Depend on the repair measure of contractor), cut damaged supports, stiffener, lift down the vortex to repair (if necessary), grinding to replace new support of vortex finder and lift the vortex finder and adjust, weld the supports, stiffener and finish all above works. Reference drawing: 541-4801-0, VT-001 The Owner providess supports, welding material at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/Se t	10			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.5 4	1802 .02.0 541	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa bộ gồm giá treo và giá đỡ bị hỏng của vành Vortex: Vệ sinh đục vật liệu bám để sửa chữa giá treo đỡ Vortex, gia công và hàn mã treo Vortex phục vụ sửa chữa; mài, hàn sửa hệ thống giá treo giá đỡ và hoàn thiện các công việc trên. Bản vẽ tham khảo: 541-4801-0, VT-001, GTVT-007. Chủ đầu tư cấp thép tấm, que hàn phục vụ sửa chữa tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing hangers and supports of vortex finder: cleaning and chiseling the clinging material to repair hangers and supports of vortex finder, processing and welding hanger point for repair; grinding and repairing hangers and supports of vortex finder and finishing all above works. Reference drawing: 541-4801-0, VT-001, GTVT-007. The Owner providess steel plate, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/Se t	20			
I.5 5	1802 .02.0 510	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa thân vortex, gân tăng cứng. Khối lượng sẽ được tính là chiều dài mỗi hàn sửa chữa: Vệ sinh, cắt tấm tăng cứng vortex, lắp tấm tăng cứng (chiều dày 10) và hàn lại hoặc mài, hàn sửa chữa thân vortex bị hư hỏng (Chiều dày 10). Khối lượng tính sẽ là chiều dài đường hàn (hàn 2 bên được tính 1 đường hàn) bản vẽ tham khảo 541-4801-0 Chủ đầu tư cung cấp thép, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing body of vortex, stiffeners. The quantity will be counted as the length of welding joint to be repaired: Cleaning, cutting reinforce, install reinforce (Thickness of reinforce: 10 mm) and reweld or grinding, weld, repair vortex finder body (Thickness of vortex finder body: 10mm). The volume will be courted as length of welding joint. Reference drawing: 541-4801-0. The Owner providess steel, welding material at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	40			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
		Ghi chú/ 1) Công việc mục I.11, I.14 phải thực hiện 24/24 và đồng thời cho các vị trí. Công việc sửa chữa, thay ống buồng đốt và men ống và chi tiết liên quan không vượt quá 9 ngày tính từ thời điểm hoàn thành công việc bắc giáo và chuyển bước sang công việc sửa chữa ống, men.../ Item 11 must do 24/24 and work all location at the same time. Work of repairing, replacing furnace tubes and tube fins is less than 9 days from the day which finish erecting scaffolding and do next step to repair tubes, fins... 2) Công việc từ mục I.19 đến I.26 sửa chữa, thay ống, đai, đai công, kẹp và chi tiết liên quan EHE phải làm việc đồng thời các EHE và thực hiện 24/24. Tất cả công việc sửa chữa này không vượt quá 10 ngày tính từ ngày bàn giao mặt bằng/ The work of repairing, replacing tubes, collars, additional collars, support clamp and related work must do at the same time and must do 24/24 and all these works are less than 10 days from the day which TLP hand over equipment to contractor. 3) Đối với công việc sửa chữa, thay thế, lắp đặt ống áp lực, tấm ốp, tấm chắn gió, tấm chống mài mòn và thiết bị khác bên trong đuôi lò phải thực hiện 24/24. Tất cả các công việc này không được vượt quá 10 ngày tính từ ngày bàn giao mặt bằng/ The work of repairing, replacing, installing tubes, protection shield, protection screen, anti-erosion plate and other related equipment inside of backpass must work 24/24. all these works are less than 10 days from the day which TLP hand over equipment to contractor 4) Công việc mục I.45, I46 phải thực hiện 24/24 và đồng thời cho các vị trí. Công việc thay thế, sửa chữa vỏ thép Lò Hơi và chi tiết liên quan không vượt quá 4 ngày tính từ ngày bàn giao mặt bằng/ Item 44, 44 must do 24/24 and work all location at the same time. Work of replacing damaged casing steel of boiler is less than 9 days from the day which TLP hand over equipment to contractor.					
		Cộng / Total					
		Thuế GTGT/ VAT					
		Tổng cộng (bao gồm thuế GTGT) Grand Total (including VAT)					

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quant ity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
(Bảng chữ: đồng) (In words: VND)							

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]
Legal representative of the supplier
[Name, title, signature and seal]

Ghi chú:

Cột (5); (6): Nhà thầu ghi đơn giá chào và thành tiền của từng công việc. Giá chào là tổng giá trị của tất cả các hạng mục công việc đã nêu.
Giá chào nêu trên bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng, trong đó bao gồm các chi phí thuê, phí, lệ phí (nếu có).
Trường hợp nhà thầu phát hiện nội dung và khối lượng của các hạng mục công việc chưa đầy đủ chính xác, nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần công việc sai khác này để Bên mời thầu xem xét. Nhà thầu không được tính toán phân khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

Note:

Column (5); (6): The Contractor shall record the unit price and total amount of each specific work and item. The quoted price is the total value of all the listed work items.
The above bid price includes all costs necessary to provide the service as requested by the customer, including taxes, fees, and charges (if any).
In case the contractor discovers that the content and volume of work items are not completely accurate, the contractor may notify the Inviting Party and prepare a separate quotation for this different part of work for the Inviting Party to consider. The contractor shall not calculate this different volume into the bid price.

BẢNG CHÀO GIÁ		PRICE LIST	
Gói thầu: _____ [Ghi tên dịch vụ theo thông báo mời chào cung cấp dịch vụ]		Bidding Package: _____ [Enter service name according to the service solicitation notice]	
Nhà cung cấp: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]		Supplier: _____ [Enter full name of supplier]	

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)*(5)	(7)
I	2026/ SC10	Sửa chữa Tiểu tu lò hơi tổ máy 2 Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW (nhà thầu cam kết có bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn)/ Minor repair of boiler for unit 2 at Thăng Long Thermal Power Plant 2x300MW (The contractor commits to providing a performance guarantee if selected)					

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1	1802. 02.05 13	Thuê khoán: Thuê giáo, vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ sửa chữa trong và ngoài lò (như phục vụ sửa chữa thiết bị cơ khí và bê tông chịu nhiệt của buồng đốt, đuôi lò, đường khói ngang, cyclone, hộp gió, EHE và các thiết bị khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư): Công việc lắp đặt, tháo dỡ phải tuân theo tiêu chuẩn BS1139, TCVN 13662: 2023 và phải thực hiện liên tục 24/24h đảm bảo tiến độ sau khi Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng (Công việc bắc giáo buồng đốt lò hơi (cao 18m) không được quá 48h, công việc bắc giáo đường khói ngang và cyclone không được quá 48h tính từ thời điểm chủ đầu tư bàn giao mặt bằng. Công việc bắc giáo buồng đốt và đường khói ngang phải làm đồng thời. Công việc tháo giáo không quá 24h tính từ khi TLP thử áp xong). Nhà thầu cung cấp ống giáo, khóa giáo, sạp giáo, thang... và công cụ liên quan phục vụ thi công. Ống, khóa, sạp giáo, thang và công cụ liên quan phải tuân theo tiêu chuẩn BS1139, TCVN 13662: 2023. Nhân lực lắp đặt, tháo dỡ phải có chứng chỉ liên quan về lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo và có ít nhất 2 người giám sát lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo (1 cho ca ngày, 1 cho ca đêm), người giám sát phải có chứng chỉ liên quan về giám sát lắp đặt giàn giáo. Khối lượng tính = Dài x Rộng x Cao hoặc thể tích khu vực lắp đặt (Không tính kích thước phần giáo làm biệp pháp an toàn). Outsourcing service: Hire scaffolding, Transporting, installing and dismantling scaffolding for repairing inside and outside of the furnace (Such as mechanical part and refractory of Furnance, horizontal air duct, cyclone, duct burner, EHE and other equipment follow the requirement of The Owner): The installation and dismantling work must follow the BS1139, TCVN 13662: 2023 standard and work continuously 24/24h to ensure the progress after the owner hands over the equipments (The work of erecting scaffolding for furnace (hight 18m) is less than 48 hours from the time which TLP hands over equipment and the work of erecting scaffolding for horizontal air duct and cyclone is less than 48 hours from the time which TLP hands over equipment. The work of dismantling scaffolding for furnace is less than 24 hours from the time which finishing hydrostatic test for boiler) Contrator provides scaffolding, clamps, platforms... and related tools for erection. All scaffolding, clamps, platforms must follow the BS1139, TCVN 13662: 2023. Installation and dismantling personnel must have related certificate in scaffolding installation and dismantling and minimum 2 supervisors on scaffolding installation and dismantle works who have related certificate in scaffolding installation and dismantling. The volume will be counted as length * with * height (do not include dimention as a safety measure)	M3	1000 0			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượn g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2	1802. 02.10 44	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 8mm <= OD < 12 mm; chiều dày ống <=4 mm. Cô kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 2 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 8mm <= OD < 16 mm; pipe thickness <= 4 mm working on weekdays Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 2 pipes). Replace new pipe and reweld Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Wel ding joint s	10			
I.3	1802. 02.05 14	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 12mm <= OD < 33 mm; chiều dày ống <= 6 mm: Bóc dỡ bảo ôn. Cô kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 2 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 12mm <= OD < 33 mm; pipe thickness <= 6 mm: Remove insulation. Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 2 pipes). Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Wel ding joint s	10			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.4	1802.02.0515	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 33mm $\leq$ OD $<$ 55 mm; chiều dày ống $\leq$ 8 mm; Bóc dỡ bảo ôn. Cô kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 2 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 33mm $\leq$ OD $<$ 55 mm; pipe thickness $\leq$ 8mm: Remove insulation. Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 2 pipes). Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	12			
I.5	1802.02.0516	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 55mm $\leq$ OD $<$ 77 mm; chiều dày ống $\leq$ 10 mm; Bóc dỡ bảo ôn. Cô kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 2 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 55mm $\leq$ OD $<$ 77 mm; pipe thickness $\leq$ 10 mm: Remove insulation. Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 2 pipes). Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	18			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.6	1802.02.0517	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực bên ngoài lò hơi với đường kính ống ngoài 89 mm; chiều dày ống ≤ 13 mm: Bóc dỡ bảo ôn. Cắt kéo, cắt bỏ ống cũ. Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure pipes outside of boiler with outside diameter 89 mm; pipe thickness ≤ 13 mm: Remove insulation. Pull, cut old pipe. Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	10			
I.7	1802.02.0525	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để thay thế van DN80 đường ống áp lực cao: Tháo dỡ lớp bảo ôn, cắt bỏ van cũ, thay thế và hàn lại van mới, bọc lại bảo ôn sau khi hoàn thành. Chủ đầu tư cung cấp van, ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to replace high-pressure pipeline valve DN80: Remove the insulation layer, cut old valve and replace and re-weld the new valve, cover insulation after completion and complete all above works. The Owner provides valve, pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	16			
I.8	1802.02.0526	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để thay thế van DN65, DN50 đường ống áp lực cao: Tháo dỡ lớp bảo ôn, cắt bỏ van cũ, thay thế và hàn lại van mới, bọc lại bảo ôn sau khi hoàn thành. Chủ đầu tư cung cấp van, ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to replace high-pressure pipeline valve DN65, DN50: Remove the insulation layer, cut old valve and replace and re-weld the new valve, cover insulation after completion and complete all above works. The Owner provides valve, pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	16			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.9	1802.02.0527	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để thay thế van DN40, DN32 đường ống áp lực cao: Tháo dỡ lớp bảo ôn, cắt bỏ van cũ, thay thế và hàn lại van mới, bọc lại bảo ôn sau khi hoàn thành. Chủ đầu tư cung cấp van, ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to replace high-pressure pipeline valve DN40, DN32: Remove the insulation layer, cut old valve and replace and re-weld the new valve, cover insulation after completion and complete all above works. The Owner provides valve, pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	16			
I.10	1802.02.0528	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để thay thế van DN25, DN20, DN15, DN10 đường ống áp lực cao: Tháo dỡ lớp bảo ôn, cắt bỏ van cũ, thay thế và hàn lại van mới, bọc lại bảo ôn sau khi hoàn thành. Chủ đầu tư cung cấp van, ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to replace high-pressure pipeline valve DN25, DN20, DN15, DN10: Remove the insulation layer, cut old valve and replace and re-weld the new valve, cover insulation after completion and complete all above works. The Owner provides valve, pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	16			
I.11	1802.02.0518	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống buồng đốt lò hơi với đường kính ống ngoài 55mm <= OD < 77 mm; chiều dày ống <= 10 mm, ống thép các bon: Cò kéo, cắt bỏ ống cũ, uốn ống (nếu cần nhưng không quá 3 ống). Thay thế, hàn lại bằng đoạn ống mới (hàn theo quy trình của chủ đầu tư) và hoàn thiện lại các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace furnace tubes of boiler with outside diameter 55mm <= OD < 77 mm; pipe thickness <= 10 mm, carbon steel tubes: Pull, cut old pipe, bend pipe (if need but less than 3 pipes). Replace new pipe and reweld (Follow the welding procedure of TLP) and complete the above repair works The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	124			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1 2	1802. 02.05 70	Dịch vụ thuê khoán hàn TiG để hàn đắp sửa chữa đường ống chịu áp lực lò hơi: vệ sinh đường ống; đục bê tông gần đường ống để hàn ống (nếu có), hàn đắp đoạn ống bị mòn theo yêu cầu. Ống thép, đường kính ngoài ống 33mm<= OD <=77mm; chiều dày ống <=15mm. Chiều rộng hàn đắp lớn nhất là 55mm, chiều dày hàn đắp theo yêu cầu Chủ đầu tư. Chủ đầu tư cung cấp que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for surface welding to weld and repair pressure tube of boiler: Clean tubes, chisel refractory (if any); welding surface worn area of tubes as per requirement of TLP. Steel pipes, diameter outside the pipe 33mm<= OD <=77mm; pipe thickness <=15mm The largest fillet welding width is 55mm, welding layers thickness is required by the TLP. The Owner provides welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	m	32			
I.1 3	1802. 02.05 71	Dịch vụ thuê khoán hàn TiG để hàn đắp và xử lý nhiệt sửa chữa đường ống chịu áp lực: Vệ sinh đường ống; đục bê tông gần đường ống để hàn ống (nếu có); hàn đắp đoạn ống bị mòn theo yêu cầu; Xử lý nhiệt và hoàn thiện lại công việc sửa chữa. Ống thép, đường kính ngoài ống 33mm<= OD <=77mm; chiều dày ống <=15mm. Chiều rộng hàn đắp lớn nhất là 55mm, chiều dày hàn đắp theo yêu cầu Chủ đầu tư. Chủ đầu tư cung cấp que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for surface welding and postweld heat treatment to weld and repair pressure tube: Clean pipes; Welding of worn pipe sections as per requirement of TLP; postweld heat treatment after welding; complete the repair work. Steel pipe, pipe outside diameter 33mm<= OD <=77mm; tube thickness <=15mm. The largest fillet welding width is 55mm, welding layers thickness is required by the TLP. The Owner provides welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	m	2			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1 4	1802.02.05 72	Dịch vụ thuê khoan cắt, hàn men ống buồng đốt lò hơi. Khối lượng sẽ tính là chiều dài tám men được thay thế hoặc sửa chữa: Cắt, mài thép tám men ống, chỉ tiết liên quan. Cắt - hàn, căn chỉnh men ống sau khi hoàn thiện việc kiểm tra hoặc thay thế ống và hoàn thiện lại các công việc trên (Thép men ống: Thép carbon hoặc hợp kim, Kích thước: Rộng <100mm, dày 6mm). Chủ đầu tư cung cấp thép men ống và các chi tiết liên quan, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for cutting, welding the furnace tube fins of boiler. Quantity will be counted as the length of furnace tube fins to be replaced or repaired: Cut- grinding tube fins of furnace and relevant parts, Cut - reweld fins of furnace after finishing checking work or replacing tubes, cover insulation and finishing all above works (Fin specification: Carbon steel or alloy steel, specification: wide < 100, thickness 6mm). TLP providess fins and relevant parts, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	400			
I.1 5	1802.02.05 44	Dịch vụ thuê khoan thay đầu nắm gió ở bên trong lò hơi, quy cách đầu nắm gió: D112x135 or D92x135 vật liệu thép A 297M HH: Tháo đầu nắm gió hỏng tại vị trí lắp đặt, vận chuyển về kho nhà máy; lắp đặt và hàn đầu nắm gió mới vào vị trí (Chỉ tiết có thể được thay thế chỉ tiết 1 và chi tiết liên quan, bản vẽ tham khảo 541-0234-2-0 hoặc chi tiết có thể được thay thế chỉ tiết 1, 2 và chi tiết liên quan, bản vẽ tham khảo 541-1302-614-0). Chủ đầu tư cung cấp nắm gió mới, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing fluidization nozzles inside of boiler, the specification of fluidization: D112x135 or D92x135 material: A 297M HH: : Removing damaged fluidization nozzles on side and transport it to the warehouse of plant, assemble and reweld new fluidization (The parts can be replaced such as no.1 and related parts, reference drawing: 541-0234-2-0 or the part can be replaced such as no. 1, 2 and related part, reference drawing: 541-1302-614-0) The owner providess fluidization nozzles, welding material at the warehouse of plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/ Pcs	200			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.1 6	1802. 02.05 54	Dịch vụ thuê khoán bóc, bọc bảo ôn phục vụ sửa hoặc thay thế với chiều dày các lớp bảo ôn từ 80 đến 250 mm: Tháo tôn bảo ôn, lưới thép, đỡ bảo ôn, hàn lại neo, thép V bảo ôn, bọc lại bảo ôn, lắp lưới thép, lắp tôn bảo ôn và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp tôn, thép v, bảo ôn, vít bắn tôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for removing insulation, installation to serve repair or replacing with total of insulation layers is from 80 up to 250 mm: Remove old aluminium alloy plate, cutting steel mesh (if any), remove insulation, welding insulation anchor, installation insulation, steel mesh, aluminium alloy plate and complete above works. The owner provides aluminium alloy plate, V shape steel, insulation and screw at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M2	250			
I.1 7	1802. 02.05 58	Dịch vụ thuê khoán chèn bông bảo ôn tại khớp giãn nở khu vực lò hơi: vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ thi công (Khối lượng được tính riêng theo khối lượng bắc giáo), chèn bông bảo ôn tại các khe co giãn bị hỏng theo yêu cầu. Diện tích chèn bông bảo ôn được tính bằng chiều sâu bông được chèn * chiều dài khe giãn nở được chèn. Chủ đầu tư cung cấp bông bảo ôn tại kho trong nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for inserting insulation at the expansion joint of the boiler area: Transport, install, dismantle scaffolding for construction (The volume will be counted separately for installation scaffolding), insert insulation at damaged expansion joints as required. The volume is calculated as insulation inserted depth * insulation inserted length. The owner provides insulation at the warehouse in the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M2	50			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.18	1802.02.0519	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống EHE) của lò hơi với đường kính ống ngoài 33mm $\leq$ OD $<$ 55 mm; chiều dày ống $\leq$ 9 mm: Cắt kéo, căn chỉnh ống. Cắt bỏ ống cũ, cắt ống - nhấn bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của chủ đầu tư), hàn ống lót - nhấn bảo vệ (nếu có) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure tubes(EHE tubes) of boiler with outside diameter 33mm $\leq$ OD $<$ 55 mm; pipe thickness $\leq$ 9mm: Pull, align tubes, Cutting old tubes (or pipes), cutting sleeves (if any) and replace new tubes, welding and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	72			
I.19	1802.02.0520	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống EHE) lò hơi với đường kính ống ngoài 55mm $\leq$ OD $<$ 77 mm; chiều dày ống $\leq$ 10 mm: Cắt kéo, căn chỉnh ống. Cắt bỏ ống cũ, cắt ống - nhấn bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của chủ đầu tư), hàn ống lót - nhấn bảo vệ (nếu có) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure tubes (EHE tubes) of boiler with outside diameter 55 mm $\leq$ OD $<$ 77 mm; tube thickness $\leq$ 10 mm: Pull, align tubes, Cutting old tubes (or pipes), cutting sleeves (if any) and replace new tubes, welding and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	48			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.20	1802.02.0521	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG và xử lý nhiệt để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống EHE) của lò hơi với đường kính ống ngoài 33mm ≤ OD < 55 mm; chiều dày ống ≤ 9 mm; Cô kéo, căn chỉnh ống, Cắt bỏ ống cũ, Cắt ống lót - nhấn bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của TLP), hàn ống lót - nhấn bảo vệ (nếu có), xử lý nhiệt sau khi hàn (theo quy trình của chủ đầu tư và yêu cầu mỗi một kênh một mối hàn) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding and postweld heat treatment to repair, replace pressure tubes (EHE tubes) of boiler with outside diameter 33mm ≤ OD < 55 mm; pipe thickness ≤ 9mm: Pull, align tubes, Cutting old tubes (or pipes) and replace new tubes, welding (Follow the welding procedure of TLP), postweld heat treatment (Follow the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mối hàn/ Welding joints	8			
I.21	1802.02.0529	Dịch vụ thuê khoán thay thế hoặc sửa chữa tấm kết nối giàn ống EHE - Lò hơi (L127x68x59 hoặc L162x91x68 dày 10 mm, vật liệu 310s): Cắt tấm kết nối giàn ống cũ, cắt - hàn thay thế hoặc sửa chữa tấm kết nối và hoàn thiện các công việc nêu trên. 2 tấm kết nối L liên kết hai giàn ống được tính là một bộ (Chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa: No.6 và No.7, bản vẽ tham khảo: 541-0316-0 hoặc No 32 và No 33, bản vẽ tham khảo 541-0404-1-0 hoặc no.36 và no.37, bản vẽ tham khảo: 541-0404-2-0) Chủ đầu tư cung cấp tấm kết nối, thép L, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing or repairing tube coil connecting plate EHE - Boiler (L127x68x59 or L162x91x68, thickness: 10 mm, material 310s): Cutting old connecting plate, cutting - welding connecting plate or repairing connecting plate and complete above works. 2 connecting plate which it is used to connect two tube coil to be counted as 1 set (The part can be replaced or repaired: No.6 and No.7, Reference drawing: 541-0316-0 or No 32 and No 33, Reference drawing: 541-0404-1-0 or No 36 and No 37, Reference drawing: 541-0404-2-0) The owner provides connecting plate, L shape steel, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/ Set	180			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2 2	1802.02.05 30	Dịch vụ thuê khoán thay thế hoặc sửa chữa thân giằng giữ ống treo EHE - Lò hơi (80x69 hoặc 122x80, vật liệu 310s): Cắt thân giằng giữ ống cũ, đai, nhãn bảo vệ ống. Hàn thay thế hoặc sửa chữa nhãn bảo vệ, tấm đỡ, thân giằng giữ ống, đai và hoàn thiện các công nêu trên (Chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa: No.27 và chi tiết liên quan, bản vẽ tham khảo: 541-0316-1-0 hoặc No.30 và chi tiết liên quan, bản vẽ tham khảo: 541-0404-1-0) Chủ đầu tư cung cấp thân giằng, đai, nhãn bảo vệ, tấm đỡ, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, công cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing or repair connecting body between two hanger tube of EHE- Boiler (80x69 or 122x80, material 310s): Cutting connecting body, sleeve, collar, plate, and complete above works (The part can be replaced or repaired: No.27 and related part. Reference drawing: 541-0316-1-0 or no.30 and related parts. Reference drawing: 541-0404-1-0) The owner provides connecting body, sleeve, collar, plate and welding material at the warehouse of plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	16			
I.2 3	1802.02.05 42	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG thay mới kẹp ống hoặc sửa chữa kẹp ống EHE-Lò hơi (Ø47xØ34.8x60 hoặc Ø62xØ45.6x75: Cắt ống treo (khối lượng mới hàn ống treo sẽ được tính riêng cho mới hàn ống), Cô kéo giàn ống, cắt tấm kẹp cũ hỏng, thay thế kẹp mới hoặc sửa chữa và hoàn thiện các công việc nêu trên (Chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa: No.25. Bản vẽ tham khảo: 541-0316-1-0 hoặc no.23. Bản vẽ tham khảo: 541-0404-1-0) Chủ đầu tư cung cấp que hàn, kẹp ống tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to replace, repair tube clamp support of EHE tube - Boiler (Ø47xØ34.8x60 or Ø62xØ45.6x75): Cutting hanger tube (amount welding joints of hanger tube will be calculated separately follow the welding joints of tube), pull tube coil, cutting damaged tube clamp support, replace new tube clamp support or repair and finishing all above works (The part can be replaced or repaired: No.25. Reference drawing: 541-0316-1-0 or no.23. Reference drawing: 541-0404-1-0) The Owner provides welding material, tube clamp support at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/ Pcs	230			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2 4	1802.02.05 43	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG thay mới hoặc sửa chữa đai ống EHE-Lò hơi (đai ống: Ø52x4x50 hoặc Ø53x4x80 hoặc Ø66x4x80 hoặc Ø76.5x6x60): Cắt ống treo (nếu cần thiết - khối lượng mới hàn ống treo sẽ được tính riêng cho mỗi hàn ống), cô kéo giàn ống, cắt đai cũ hỏng, thay thế đai mới hoặc sửa chữa (Sửa chữa theo yêu cầu chủ đầu tư) và hoàn thiện các công việc nêu trên (Các chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa: chi tiết 26, 29. Bản vẽ tham khảo: 541-0316-1-0 hoặc chi tiết 24, 31. Bản vẽ tham khảo: 541-0404-1-0) Chủ đầu tư cung cấp que hàn, đai ống tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to replace, repair tube collar of EHE tube - Boiler (collar: Ø52x4x50 or Ø53x4x80 or Ø66x4x80 or Ø76.5x6x60): Cutting hanger tube (if necessary - amount welding joints of hanger tube will be calculated separately follow the welding joints of tube), pull tube coil, cutting damaged tube collar, replace new tube collar or repair (Follow the requirement of TLP) and finishing all above works (The part can be replaced or repaired such as no. 26, 29. Reference drawing: 541-0316-1-0 or no.24, 31. Reference drawing: 541-0404-1-0) The Owner provides welding material, tube collar at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/ Pcs	480			
I.2 5	1802.02.05 31	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG lắp đặt thêm hoặc sửa chữa đai công ống EHE - Lò hơi, bản vẽ tham khảo: ĐO- HTR-EHE101-401 hoặc ĐO-ITS2-EHE201-301, Một bộ bao gồm 4 đai ống, 1 tấm nối và 4 tấm tăng cứng: Vệ sinh, lắp đặt, hàn đai ống, tấm nối tấm gia cứng hoặc sửa chữa. Chủ đầu tư cung cấp đai ống, tấm nối, tấm tăng cứng, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to install additional collars of EHE - Boiler. Reference drawing: ĐO- HTR-EHE101-401 or ĐO-ITS2-EHE201-301, one set includes 4 collars, 1 connecting plate and 4 stiffeners: Clean, install, weld collars, connecting plate, stiffeners or repair. The owner provides collars, connecting plate, stiffener, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	180			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2 6	1802. 02.05 22	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống bộ hâm) của lò hơi với đường kính ống ngoài 38.1 mm; chiều dày ống ≤ 6 mm, ống thép các bon: Cô kéo, căn chỉnh ống. Cắt bỏ ống cũ. Cắt ống, ốp bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của chủ đầu tư). Hàn lại ống, ốp bảo vệ (nếu có) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure tubes (Economizer tubes) of boiler with outside diameter 38.1 mm; pipe thickness ≤ 6 mm, carbon steel tubes: Pull, align tubes, cut old tubes (or pipes)., Cut sleeves, protection shield (if need), replace new tubes, welding and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Welding joints	300			
I.2 7	1802. 02.05 23	Thuê khoán hàn TIG để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống tái nhiệt nhiệt độ thấp LTR, quá nhiệt tường bao đuôi lò) của lò hơi với đường kính ống ngoài 55 $\leq$ OD < 70 mm; chiều dày ống ≤ 8 mm: Cô kéo, căn chỉnh ống. Cô kéo tấm mài mòn (nếu cần). Cắt bỏ ống cũ. Cắt ống, ốp bảo vệ (nếu có). Thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của chủ đầu tư), hàn ống, ốp bảo vệ (nếu có) và hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding to repair, replace pressure tubes (LTR tubes, backpss superheater tube) of boiler with outside diameter 55 $\leq$ OD < 70 ; tube thickness ≤ 8 mm: Pull, align tubes, pull anti-erosion (if need), Cutting old tubes (or pipes), cutting sleeves or protection shield (if any) bending tube (if necessary) and replace new tubes, welding and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material	Mỗi hàn/ Welding joints	6			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.2 8	1802.02.05 24	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG và xử lý nhiệt sau khi hàn để sửa chữa, thay thế đường ống chịu áp lực (ống quá nhiệt độ cao tầng 12 đuôi lò HTS) lò hơi với đường kính ống ngoài 50 mm <= OD < 57mm; chiều dày ống <= 6 mm: Cô kéo, căn chỉnh ống, Cắt bỏ ống cũ, Cô kéo tấm chống mài mòn (nếu cần). Cắt ống, ốp bảo vệ (nếu có), thay thế bằng đoạn ống mới và hàn lại ống (hàn theo quy trình của TLP). Hàn ống, ốp bảo vệ (nếu có), xử lý nhiệt sau khi hàn (theo quy trình của chủ đầu tư và yêu cầu mỗi kênh một mối hàn); hoàn thiện lại các công việc sửa chữa nêu trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for hiring TIG welding and postweld heat treatment after welding to repair, replace pressure tubes (HTS tube at 12th floor of backpass) of boiler with outside diameter 50 <= OD < 57; tube thickness <= 6 mm: Pull, align tubes, pull anti-erosion (if need), Cutting old tubes (or pipes) and replace new tubes, welding (Follow the welding procedure of TLP), postweld heat treatment (Follow the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material	Mối hàn/ Welding joints	6			
I.2 9	1802.02.05 73	Dịch vụ thuê khoán cắt, hàn men ống quá nhiệt tường bao đuôi lò hơi. Khối lượng sẽ tính là chiều dài tấm men được thay thế hoặc sửa chữa: Cắt, mài thép tấm men ống và chi tiết liên quan. Cắt - hàn, căn chỉnh men ống sau khi TLP hoàn thiện việc kiểm tra hoặc thay thế ống và hoàn thiện lại các công việc trên (Thép men ống: Thép carbon hoặc hợp kim, Kích thước: Rộng <100mm, dày 6mm). Chủ đầu tư cung cấp que hàn, men ống tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for cutting, welding the backpass superheater tube fins of boiler. Quantity will be counted as the length of fins to be replaced or repaired: : Cut- grinding tube fins of backpass superheater tube and relevant parts, Cut - reweld fins of backpass superheater tube after TLP finish checking work or replacing tubes and finishing all above works (Fin specification: Carbon steel or alloy steel, specification: wide < 100, thickness 6mm). The Owner provides welding rods, tube fins at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	20			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.3 0	1802. 02.05 57	Dịch vụ thuê khoan hàn Tig sửa chữa, thay thế đường ống thổi bụi. ống thép inox310S, D89x5.54mm: Cắt đoạn ống bị hỏng, sửa chữa lại hoặc thay thế đoạn ống mới, gia công mới lỗ phun hơi, sửa chữa gia cố lại giá đỡ, lắp thêm giá đỡ mới theo yêu cầu Chủ đầu tư (giá đỡ do Chủ đầu tư gia công sẵn); Chủ đầu tư cung cấp ống thép Inox, que hàn, giá đỡ, vật tư lỗ phun hơi, bu lông tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to repair and replace the sootblower pipe. Stainless steel pipe 310S, D89x5.54mm: cut the broken pipe, repair or replace the new pipe, process new steam holes, repair and reinforce the rack, install a new bracket at the request of the Investor. The TLP providess stainless steel pipes, welding rods, brackets, steam hole materials, bolts at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	m	120			
I.3 1	1802. 02.05 55	Dịch vụ thuê khoan cắt, hàn tấm chắn lửa bộ hâm, LTR để phục vụ kiểm tra, sửa chữa ống (tấm chắn lửa bộ hâm dày 6mm, thép các bon): Cắt tấm chắn lửa thép dày 6mm (Thép các bon), cắt thép U150 (Thép các bon) gia cường tấm chắn lửa để kiểm tra bộ hâm, LTR sau đó hàn lại tấm chắn lửa, thép U150 và hoàn thiện lại các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tấm, U150 tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for cutting economizer casing skin, LTR casing skin steel to serve checking or replacing tube (Casing skin steel: Carbon steel with thickness: 6mm): Cutting the plate steel with thickness: 6mm (carbon steel), cut U150 (Carbon steel) shape steel to check ECO, LTR tubes and then re-weld casing skin, U150 steel and complete the above works. The owner providess welding rods, steel plates, U150 at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M2	110			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượn g/ Qua nntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.3 2	1802. 02.05 56	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa mối hàn tấm chắn lửa bộ hâm, LTR (tấm chắn lửa bộ hâm dày 6mm, thép các bon). Khối lượng sẽ được tính là tổng dài mối hàn được sửa chữa: Vệ sinh, cắt, mài mối hàn và hàn lại theo yêu cầu của chủ đầu tư. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tấm tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing welding joint of economizer casing skin, LTR casing skin steel (Casing skin steel: Carbon steel with thickness: 6mm). Quantity will be counted as the length of welding joint to be repaired: Clean, cut, grind welding joint and reweld following the requirement of TLP. The owner provides welding rods, steel plates at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	40			
I.3 3	1802. 02.05 59	Dịch vụ thuê khoán thay thế hoặc sửa chữa ống phòng mòn cho ống treo ống quá nhiệt đuôi lò. Đường kính ngoài ống phòng mòn D120. Bản vẽ tham khảo ống phòng mòn TAPM-001: Tháo ống phòng mòn cũ, bảo ôn của ống quá nhiệt. Vệ sinh, bọc lại bảo ôn của ống quá nhiệt đuôi lò. Lắp đặt ống phòng mòn mới (ống gồm 2 nửa), tấm gia cứng, bắt bộ bu lông liên kết M12x30, hàn đỉnh đầu bu lông, hàn đỉnh cổ định lại ống phòng mòn và hoàn thiện lại các công việc trên or sửa chữa ống phòng mòn cũ. Khối lượng tính là chiều dài của ống phòng mòn được lắp đặt mới hoặc sửa chữa. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, ống phòng mòn, tấm gia cứng, bộ bu lông, bông bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing or repairing protectors of backpass superheater hanger tubes. The diameter of protector: D120, reference drawing: TAPM-001: Dismantle the damaged protectors, insulation of hanger tubes. Cleaning and Reinstall insulation of hanger tubes. Install new protectors (including 2 parts), new stiffeners, bolts and tack welding for bolts and protectors and complete the above works or repairing protectors. The volume will be counted as length of protector (including 2 parts). The owner provides welding material, protectors, stiffeners, set of bolts, insulation at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	90			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.3 4	1802. 02.05 74	Dịch vụ thuê khoán thay thế hoặc sửa chữa ống phòng mòn cho ống quá nhiệt tường bao đầu lò: Tháo ống phòng mòn cũ, bảo ôn của ống quá nhiệt tường bao. Vệ sinh, bọc lại bảo ôn của ống quá nhiệt tường bao đầu lò. Lắp đặt, hàn ống phòng mòn mới (Các chi tiết có thể được thay thế: 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và các chi tiết liên quan. Bản vẽ tham khảo: 541-0313-1-0) và hoàn thiện các công việc trên or sửa chữa ống phòng mòn. Khối lượng tính là chiều dài của một cụm ống quá nhiệt tường bao được bọc hoặc sửa chữa. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, ống phòng mòn, bông bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing or repairing protectors of backpass superheater tubes: Dismantle the damaged protectors, insulation. Cleaning and Reinstall insulation of backpass superheater tubes. Install and weld new protectors (The parts can be replaced such as No.6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 and related parts. Reference drawing 541-0313-1-0) and finishing all above works or repair: The volume will be counted as the length of covered backpass tubes) The owner provides welding material, protectors, insulation at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	20			
I.3 5	1802. 02.05 32	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG lắp đặt mới tấm ốp phòng mòn bộ hâm, tái nhiệt, quá nhiệt. Tấm ốp (ốp thẳng) phòng mòn ống bộ hâm, quá nhiệt, tái nhiệt: Ø39, Ø51, Ø70, dài 200, dày 3mm và tấm nối (Đại kẹp) dài 25, dày 3mm: Vệ sinh, kéo tấm chống mài mòn (Nếu cần), lắp tấm phòng mòn ống Ø39, Ø51, Ø70, dài 200, dày 3mm và tấm nối (Đại kẹp) dài 25, dày 3mm và hoàn thiện công việc trên. Một bộ bao gồm tấm phòng mòn và 2 tấm nối (Đại kẹp). Chi tiết có thể được thay thế là chi tiết 1, 4, 6 và đại kẹp liên quan, bản vẽ tham khảo: TOPMĐL-001). Chủ đầu tư cung cấp que hàn TIG, tấm phòng mòn và tấm nối tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to install new protection shield for economizer tubes, HTS, LTR. Protection shield (Straight type) Ø39, Ø51, Ø70, Length: 200 mm, thickness: 3mm: Cleaning, pull anti vibration plate (if need), Install protection shield Ø39, Ø51, Ø70, Length: 200 mm, thickness: 3mm and Clamps with length: 25mm, thickness: 3mm. a set includes one protection shield and Two clamps or repair protection shield (The part can be replaced or repaired such as no.1, 4, 6 and related collars, reference drawing: TOPMĐL-001)	Bộ/S et	1300			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
		TLP provides TIG welding rods, protection shields and clamps at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.					
I.3 6	1802.02.07 69	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG lắp đặt mới tấm ốp phòng mòn bộ hâm (ốp thẳng) Ø39, dài 150 mm (1 bộ gồm 2 tấm ốp, Bản vẽ tham khảo: Dw: TOPMDL-002, Chi tiết 1): Vệ sinh, cô kéo, lắp đặt theo yêu cầu của TLP và bản vẽ tham khảo. Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to install new protection shield for economizer (Straight type) Ø39, Length: 150 mm (1 set including 2 detail no.1, Reference drawing Dw: TOPMDL-002, detail no.1): Cleaning, pull, installation following the requirement of TLP and reference drawing. TLP provides welding material, protection shield at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	800			
I.3 7	1802.02.05 34	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG sửa chữa, thay thế tấm ốp phòng mòn bộ hâm, tái nhiệt, quá nhiệt. Tấm ốp (ốp thẳng) phòng mòn ống bộ hâm, quá nhiệt, tái nhiệt: Ø39, Ø51, Ø70, dài 200, dày 3mm và tấm nối (Đại kẹp) dài 25, dày 3mm: Vệ sinh, kéo tấm chống mài mòn (Nếu cần). Cắt tấm ốp hư hỏng và thay thế bằng tấm ốp mới. Một bộ bao gồm tám phòng mòn và 2 tấm nối (Đại kẹp). Chi tiết có thể được thay thế là chi tiết 1, 4, 6 và đại kẹp liên quan, bản vẽ tham khảo: TOPMDL-001) Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp, đai tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to repair, replace protection shield for economizer tubes, HTS, LTR. Protection shield (Straight type) Ø39, Ø51, Ø70, Length: 200 mm, thickness: 3mm: Cleaning, pull anti vibration plate (if need). Cut damaged protection shield and replace it. a set includes one protection shield and Two clamps or repair protection shield. The part can be replaced or repaired such as no.1, 4, 6 and related collars, reference drawing: TOPMDL-001. TLP provides welding material, protection shield, clamps at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	40			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượn g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.3 8	1802. 02.05 35	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG lắp đặt mới tấm phòng mòn bộ hâm (Tấm ốp góc 90) tấm phòng mòn bộ hâm Ø39 dài 426 mm hoặc 274 mm, dày 3mm và tấm nổi (Đại kẹp) dài 25, dày 3mm: Vệ sinh, lắp tấm phòng mòn bộ hâm Ø39 dài 426 mm hoặc 274 mm, dày 3mm và tấm nổi (Đại kẹp) dài 25, dày 3mm. Một bộ bao gồm tấm phòng mòn và 2-3 tấm nổi (Đại kẹp). Chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa là chi tiết 3, 8 và đại kẹp liên quan, bản vẽ tham khảo: TOPMĐL-001) Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp, đai tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to install new protection shield for economizer tubes, protection shield Ø39, Length: 426 mm or 274 mm (Bending protection shield), thickness: 3mm and Clamps with length: 25mm, thickness: 3mm: Cleaning, Install protection shield and Clamps. A set includes one protection shield and Two - three clamps or repair protection shield (The part can be replaced such as no.3, 8 and related collars, reference drawing: TOPMĐL-001) TLP provides welding material, protection shield, clamps at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	1200			
I.3 9	1802. 02.05 36	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG lắp đặt mới tấm phòng mòn ống tái nhiệt nhiệt độ thấp LTR (Tấm ốp góc 90 độ), tấm phòng mòn ống tái nhiệt nhiệt độ thấp LTR Ø70, dài 590 mm: Vệ sinh, cô kéo tấm chịu mài mòn và lắp đặt tấm ốp phòng mòn bộ tái nhiệt. Một bộ bao gồm tấm ốp và 3 đại kẹp. Bản vẽ tham khảo: TOPMĐL-002, Chi tiết số 3. Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp, đai tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to install new protection shield for LTR tubes, protection shield Ø70, Length: 590 mm: Clean, pull and install protection shield for LTR tube. 1 set including protection shield and 3 clamps. reference drawing TOPMĐL-002, no.3 detail TLP provides welding material, protection shield, clamps at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	90			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.40	1802.02.0537	Dịch vụ thuê khoán hàn TIG lắp đặt sửa chữa, thay thế tấm ốp phòng mòn bộ hâm (Tấm ốp góc 90), tấm phòng mòn bộ hâm Ø39 dài 426 mm hoặc 274 mm, dày 3mm và tấm nối (Đại kếp) dài 25, dày 3mm: Vệ sinh, cô kéo, cắt bỏ tấm ốp phòng mòn cũ hư hỏng và lắp tấm phòng mòn mới. Một bộ bao gồm tấm phòng mòn và 2-3 tấm nối (Đại kếp). Chi tiết có thể được thay thế hoặc sửa chữa là chi tiết 3, 8 và đại kếp liên quan, bản vẽ tham khảo: TOPMEDL-001) Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp, đai tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for TIG welding to repair, replace protection shield for economizer tubes, protection shield Ø39, Length: 426 mm or 274 mm, thickness: 3mm and Clamps with length: 25mm, thickness: 3mm: Cleaning, pull, cutting damaged protection shield and installation new protection Cleaning. A set includes one protection shield and Two - three clamps or repair protection shield (The part can be replaced or repaired such as no.3, 8 and related collars, reference drawing: TOPMEDL-001) TLP provides welding material, protection shield, clamps at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	40			
I.41	1802.02.0511	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa, thay mới tấm ốp phòng mòn bộ hâm, tải nhiệt, quá nhiệt đuôi lò khu vực vòi thổi bụi (Bản vẽ tham khảo 541-0405-0): Cắt tấm ốp phòng mòn cũ, hàn - thay thế bằng tấm ốp phòng mòn mới hoặc sửa chữa. Chủ đầu tư cung cấp que, tấm ốp, đai tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing protection shield for economizer tube, LTR tube, HTS tube at sootblower area (Reference drawing 541-0405-0): Cut old protection shield, weld and replace new one or repair TLP provides welding material, protection shield, clamps at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/ Pcs	200			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượn g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.4 2	1802. 02.05 38	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa tấm chống mài mòn ống tải nhiệt nhiệt độ thấp (LTR), quá nhiệt nhiệt độ cao (HTS) đầu lò - lò hơi. Bản vẽ tham khảo 541- 0318-0, 541- 0318-1-0, 541- 0318-2-0: Vệ sinh, cô kéo, thay thế, hoặc hàn sửa chữa và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tròn, tấm chống mài mòn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing LTR anti erosion gratings, HTS anti erosion gratings at the backpass - boiler. Reference drawing: 541- 0318-0, 541- 0318-1-0, 541- 0318-2-0: Cleaning, pull, weld and repair anti-erosion and complete all above works. TLP provides welding material, round bar, anti erosion gratings at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	20			
I.4 3	1802. 02.05 60	Thuê khoán lắp đặt tấm chắn gió ống bộ hâm, LTR (Quy cách: Rộng 396-399mm, dày 8 mm, vật liệu 310s): Vệ sinh, lắp đặt - hàn tấm chắn gió, gắn tăng cứng (Bản vẽ lắp đặt tham khảo TCGOBH-001, 002). Khối lượng lắp đặt sẽ được tính là chiều dài tấm chắn gió. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, tấm chắn gió, gắn tăng cứng tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for installation protection screen of Eco tubes, LTR tubes (specification: width 396-399 mm, thickness: 8mm, material 310s): Cleaning, installation - welding protection screen, stiffener (installation reference drawing: TCGOBH-001, 002, Installation volume will be counted as the length of protection screen. The owner providess welding material, protection screen, stiffener at the warehouse of plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	54			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng g/ Quan- tity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.4 4	1802. 02.05 61	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa tấm chắn gió ống bộ hâm, LTR (Quy cách: Rộng 396-399mm, dày 8 mm, vật liệu 310s), khối lượng sẽ được tính là chiều dài mỗi hàn sửa chữa: Có kéo tấm chắn gió, cắt - mài mỗi hàn và hàn lại theo yêu cầu của TLP Chủ đầu tư cung cấp thép tấm, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for installation protection screen of Eco tubes, LTR tubes (specification: width 396-399 mm, thickness: 8mm, material 310s), the quantity will be counted as the length of welding joint to be repaired: Pull, align old protection screen, cut - grind welding joint and reweld following the request of TLP. TLP provides TIG welding rods, steel at the factory warehouse. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	12			
I.4 5	1802. 02.05 52	Dịch vụ thuê khoán thay thế, sửa chữa vỏ thép Lò Hơi (EHE, đường khói từ EHE về buồng đốt...) thép I, H, U, V, L, thép tấm...khối lượng sẽ được tính là kg khi khối lượng của mỗi chi tiết được sửa chữa lớn hơn 30 kg: Cắt dầm I, H, U, V, L, Thép tấm hư hỏng. Hàn thay thế hoặc sửa chữa thép tấm hư hỏng, I, H, U, V, L... và hoàn thiện lại các công việc trên. Khối lượng được tính là khối lượng thép được thay thế, sửa chữa Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing damaged casing steel of boiler (EHE, Horizontal air duct...). Plate steel, I, H, U, V, L, the quantity will be kg when weight of each repaired detail more than 30 kg: Cutting I, H, U, V, L Shape steel, damaged plate steel. Welding, replacing or repairing plate steel, I, H, U, V, L Shape and complete all above works. The volume will be counted as replaced steel, repair The owner provides steel, welding rod at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Kg	4000			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.4 6	1802. 02.05 75	Dịch vụ thuê khoán thay thế, sửa chữa vỏ thép Lò Hơi (EHE, đường khói từ EHE về buồng đốt...). Khối lượng sẽ được tính là m hàn (Cho cả hai mặt) khi khối lượng của mỗi chi tiết được sửa chữa nhỏ hơn hoặc bằng 30 kg: Cắt dầm I, H, U, V, L, Thép tấm hư hỏng. Hàn thay thế hoặc sửa chữa thép tấm hư hỏng, I, H, U, V, L, và hoàn thiện lại các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp que hàn, thép tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing damaged casing steel of boiler. The quantity will be length of welding joint when weight of each repaired detail less than or equal 30 kg. Cutting I, H, U, V, L Shape steel, damaged plate steel. Welding, replacing or repairing plate steel, I, H, U, V, L Shape and complete all above works. The owner providess steel, welding rod at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	100			
I.4 7	1802. 02.05 45	Dịch vụ thuê khoán tháo, lắp van thử áp đầu vào bộ tải nhiệt (tại nhiệt lạnh) (Van 32', bản vẽ tham khảo D0800.11IG04) phục vụ thử áp lò hơi: Tháo, giải thể van, lắp đặt chi tiết 2, 6, 9 và các chi tiết khác phục vụ việc thử áp. Sau khi thử áp: Tháo, giải thể van, lắp hoàn thiện lại các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp chi tiết van cần thiết của van thử áp tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for dismantling, assembling hydro test valve of reheater inlet pipe (Cold reheat valve) (Valve 32', Reference drawing D0800.11IG04) to serve hydrostatic testing of reheater system: Dismantling all parts of valve and then assembling part no. 2, 6, 9 and other parts to serve hydrostatic testing. After finishing hydrostatic testing work: Dismatling all parts of valve and then reassembling and finishing all above work. The TLP providess all necessary parts of valve at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/ Pcs	1			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.4 8	1802. 02.05 46	Dịch vụ thuê khoan tháo, lắp van thử áp đầu ra bộ tái nhiệt (Tái nhiệt nóng) (Van 22', bản vẽ tham khảo D0500.11G03) phục vụ thử áp lò hơi: Tháo, giải thể van, lắp đặt chi tiết 3, 5, 7 và các chi tiết khác phục vụ việc thử áp. Sau khi thử áp: Tháo, giải thể van, lắp hoàn thiện lại các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp các chi tiết cần thiết của van thử áp tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for dismantling, assembling hydro test valve of reheater outlet pipe (Hot reheat valve) (Valve 22', Reference drawing D0500.11G03) to serve hydrostatic testing of reheater system: Dismantling all parts of valve and then assembling part no. 3, 5, 7 and other parts to serve hydrostatic testing. After finishing hydrostatic testing work: Dismantling all parts of valve and then reassembling and finishing all above work. The TLP provides all necessary parts of valve at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Cái/ Pcs	2			
I.4 9	1802. 02.05 81	Dịch vụ thuê khoan hàn lót TIG phủ điện (ống Ø120x28, vật liệu SA-105M) để sửa chữa ống phun giảm ôn LTS-ITS1: Bóc dỡ bảo ôn, cắt đoạn ống cũ, cô - kéo ống phun giảm ôn (Phục vụ TLP kiểm tra tình trạng ống phun giảm ôn). Hàn lại đoạn ống theo quy trình của TLP và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Out sourcing service for hiring TIG welding (root weld) and SMAW welding (pipe Ø120x28, material SA-105M) to repair LTS-ITS1 desuperheating pipe: Remove insulation, cut old pipe, pull desuperheating pipe (To TLP inspects desuperheating pipe condition). Welding pipe (Following the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mối hàn/ Wel ding joint	2			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.5 0	1802. 02.07 67	Dịch vụ thuê khoán hàn lót TIG phủ điện và xử lý nhiệt (ống Ø116x26, vật liệu SA-336M F12) để sửa chữa ống phun giảm ôn ITS1 - ITS2: Bóc dỡ bảo ôn, cắt đoạn ống cũ, cô - kéo ống phun giảm ôn (Phục vụ TLP kiểm tra tình trạng ống phun giảm ôn). Hàn lại đoạn ống và xử lý nhiệt mới hàn theo quy trình của TLP và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Out sourcing service for hiring TIG welding (root weld) and SMAW welding and postweld heat treatment (pipe Ø116x26, material SA-336M F12) to repair ITS1 - ITS2 desuperheating pipe: Remove insulation, cut old pipe, pull desuperheating pipe (To TLP inspects desuperheating pipe condition). Welding pipe and postweld heat treatment (Following the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Wel ding joint	2			
I.5 1	1802. 02.07 68	Dịch vụ thuê khoán hàn lót TIG phủ điện và xử lý nhiệt (ống Ø124x30, vật liệu SA-336M F12) để sửa chữa ống phun giảm ôn ITS2 - HTS: Bóc dỡ bảo ôn, cắt đoạn ống cũ, cô - kéo ống phun giảm ôn (Phục vụ TLP kiểm tra tình trạng ống phun giảm ôn). Hàn lại đoạn ống và xử lý nhiệt mới hàn theo quy trình của TLP và hoàn thiện các công việc trên. Chủ đầu tư cung cấp ống, que hàn, bảo ôn, tôn bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Out sourcing service for hiring TIG welding (root weld) and SMAW welding and postweld heat treatment (pipe Ø124x30, material SA-336M F12) to repair ITS2 - HTS desuperheating pipe: Remove insulation, cut old pipe, pull desuperheating pipe (To TLP inspects desuperheating pipe condition). Welding pipe and postweld heat treatment (Following the procedure of TLP) and complete the above repair works. The Owner provides pipes, welding rods, insulation at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mỗi hàn/ Wel ding joint	2			

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượn g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.5 2	1802. 02.05 12	Dịch vụ thuê ngoài lắp đặt van mới và xử lý nhiệt mối hàn, van được lắp đặt trên đường ống hơi chính, van 18", vật liệu thân van: SA-182F91 hàn với đường ống có đường kính Ø445x38.35: Cắt bỏ van cũ, lắp đặt van mới, hàn lót TIG, phù que hàn và xử lý nhiệt sau khi hàn theo quy trình của TLP Chủ đầu tư cung cấp van, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for installation new valve and postweld heat treatment. The valve is installed on the main steam pipe, valve 18", the material of valve body: SA-182F91 to weld pipe with diameter Ø445x38.35: Cut and remove old valve. Install new valve, weld and postweld heat treatment follow the procedure of TLP. The TLP provides valve, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Mối hàn/ Welding joint	2			
I.5 3	1802. 02.05 40	Dịch vụ thuê khoán thay mới bộ giá đỡ vortex: Vệ sinh, gia công và hàn mã treo vortex phục vụ sửa chữa (Tùy thuộc vào biện pháp của nhà thầu), cắt giá đỡ bị hỏng, gắn tăng cứng, hạ vortex xuống thấp để sửa chữa (nếu cần thiết), mài sửa để thay hệ thống giá đỡ mới, kéo vortex lên trên để căn chỉnh, hàn thay giá đỡ mới, gắn tăng cứng và hoàn thiện các công việc trên. Bản vẽ tham khảo: 541-4801-0, VT-001 Chủ đầu tư cung cấp giá đỡ, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for replacing supports of Vortex finder: Cleaning, process and weld hanger point of vortex to serve repair vortex (Depend on the repair measure of contractor), cut damaged supports, stiffener, lift down the vortex to repair (if necessary), grinding to replace new support of vortex finder and lift the vortex finder and adjust, weld the supports, stiffener and finish all above works. Reference drawing: 541-4801-0, VT-001 The Owner provides supports, welding material at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	10			

S/TT No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng g/ Qua ntity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
I.5 4	1802. 02.05 41	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa bộ gồm giá treo và giá đỡ bị hỏng của vánh Vortex: Vệ sinh đục vật liệu bám để sửa chữa giá treo đỡ Vortex, gia công và hàn mã treo Vortex phục vụ sửa chữa; mài, hàn sửa hệ thống giá treo giá đỡ và hoàn thiện các công việc trên. Bản vẽ tham khảo: 541-4801-0, VT-001, GTVT-007. Chủ đầu tư cấp thép tấm, que hàn phục vụ sửa chữa tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing hangers and supports of vortex finder: cleaning and chiseling the clinging material to repair hangers and supports of vortex finder, processing and welding hanger point for repair; grinding and repairing hangers and supports of vortex finder and finishing all above works. Reference drawing: 541-4801-0, VT-001, GTVT-007. The Owner providess steel plate, welding material at the warehouse of the plant. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	Bộ/S et	20			
I.5 5	1802. 02.05 10	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa thân vortex, gân tăng cứng. Khối lượng sẽ được tính là chiều dài mỗi hàn sửa chữa: Vệ sinh, cắt tấm tăng cứng vortex, lắp tấm tăng cứng (chiều dày 10) và hàn lại hoặc mài, hàn sửa chữa thân vortex bị hư hỏng (Chiều dày 10). Khối lượng tính sẽ là chiều dài đường hàn (hàn 2 bên được tính 1 đường hàn) bản vẽ tham khảo 541-4801-0 Chủ đầu tư cung cấp thép, que hàn tại kho nhà máy. Nhà thầu phải có nhân lực, máy móc, công cụ, dụng cụ, vật tư khác có liên quan. Outsourcing service for repairing body of vortex, stiffeners. The quantity will be counted as the length of welding joint to be repaired: Cleaning, cutting reinforce, install reinforce (Thickness of reinforce: 10 mm) and reweld or grinding, weld, repair vortex finder body (Thickness of vortex finder body: 10mm). The volume will be counted as length of welding joint. Reference drawing: 541-4801-0. The Owner providess steel, welding material at the warehouse of TLP. The contractor must have manpower, machines, tools and other relevant material.	M	40			

Sít No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
		Ghi chú/ 1) Công việc mục I.11, I14 phải thực hiện 24/24 và đồng thời cho các vị trí. Công việc sửa chữa, thay ống buồng đốt và men ống và chi tiết liên quan không vượt quá 9 ngày tính từ thời điểm hoàn thành công việc bắc giáo và chuyển bước sang công việc sửa chữa ống, men.../ Item 11 must do 24/24 and work all location at the same time. Work of repairing, replacing furnace tubes and tube fins is less than 9 days from the day which finish erecting scaffolding and do next step to repair tubes, fins... 2) Công việc từ mục I.18 đến I.25 sửa chữa, thay ống, đai, đai công, kẹp và chi tiết liên quan EHE phải làm việc đồng thời các EHE và thực hiện 24/24. Tất cả công việc sửa chữa này không vượt quá 10 ngày tính từ ngày bàn giao mặt bằng/ The work of repairing, replacing tubes, collars, additional collars, support clamp and related work must do at the same time and must do 24/24 and all these works are less than 10 days from the day which TLP hand over equipment to contractor. 3) Đối với công việc sửa chữa, thay thế, lắp đặt ống áp lực, tám ống, tám chấn gió, tám chống mài mòn và thiết bị khác bên trong đuôi lò phải thực hiện 24/24. Tất cả các công việc này không được vượt quá 10 ngày tính từ ngày bàn giao mặt bằng/ The work of repairing, replacing, installing tubes, protection shield, protection screen, anti-erosion plate and other related equipment inside of backpass must work 24/24. all these works are less than 10 days from the day which TLP hand over equipment to contractor 4) Công việc mục I.45, I46 phải thực hiện 24/24 và đồng thời cho các vị trí. Công việc thay thế, sửa chữa vỏ thép Lò Hơi và chi tiết liên quan không vượt quá 4 ngày tính từ ngày bàn giao mặt bằng/ Item 45, 46 must do 24/24 and work all location at the same time. Work of replacing damaged casing steel of boiler is less than 9 days from the day which TLP hand over equipment to contractor.					
		Cộng / Total					
		Thuế GTGT/ VAT					
		Tổng cộng (bao gồm thuế GTGT) Grand Total (including VAT)					

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
(Bảng chữ: đồng) (In words: VND)							

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Legal representative of the supplier

[Name, title, signature and seal]

Ghi chú:

Cột (5); (6): Nhà thầu ghi đơn giá chào và thành tiền của từng công việc. Giá chào là tổng giá trị của tất cả các hạng mục công việc đã nêu.

Giá chào nêu trên bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Trường hợp nhà thầu phát hiện nội dung và khối lượng của các hạng mục công việc chưa đầy đủ chính xác, nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần công việc sai khác này để Bên mời thầu xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

Note:

Column (5); (6): The Contractor shall record the unit price and total amount of each specific work and item. The quoted price is the total value of all the listed work items.

The above bid price includes all costs necessary to provide the service as requested by the customer, including taxes, fees, and charges (if any).

In case the contractor discovers that the content and volume of work items are not completely accurate, the contractor may notify the Inviting Party and prepare a separate quotation for this different part of work for the Inviting Party to consider. The contractor shall not calculate this different volume into the bid price.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ Gói thầu: _____ <i>[Ghi tên dịch vụ theo thông báo mời chào cung cấp dịch vụ]</i> Nhà cung cấp: _____ <i>[Ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]</i>	SUMMARY OF OFFERS Bidding Package: _____ <i>[Enter service name according to the service solicitation notice]</i> Supplier: _____ <i>[Enter full name of supplier]</i>
---	--

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)*(5)	(7)
	2026/ SC14	Sửa chữa Tiêu tu van gió, ống gió, khớp giãn nở tổ máy 1, 2 tại Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long 2x300MW (Chủ đầu tư cung cấp vật tư van, ống, thép tấm, que hàn, tết chèn, bu lông, bông bảo ôn, khớp giãn nở, nhôm bọc bảo ôn tại kho nhà máy. Nhà thầu cung cấp giàn giáo, nhân công, máy móc, vật tư liên quan phục vụ thi công. Nhà thầu cam kết có bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn) / Minor repairs to air valves, air pipes, and expansion joints for units 1 and 2 at Thang Long Thermal Power Plant 2x300MW (The investor will supply materials such as valves, pipes, steel plates, welding rods, packing, bolts, insulation wool, expansion joints, and aluminum insulation from the factory warehouse. The contractor will provide scaffolding, labor, machinery, and related materials for construction. The contractor commits to providing a performance guarantee if selected.)					
		A. Tiêu tu Tổ máy 1/ Minor repairs of Unit 1					Hoàn thành trong vòng 14 ngày kể từ ngày bàn giao

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
							mặt bằng/ Completed within 14 days of site handover.
II.1	1802. 02.05 54	Dịch vụ thuê khoan bóc, bọc bảo ôn phục vụ sửa hoặc thay thế với chiều dày các lớp bảo ôn từ 80 đến 250 mm : Bóc, dỡ tôn, bảo ôn, lưới thép phục vụ sửa và hoàn thiện lại các công việc nêu trên Chủ đầu tư cung cấp bông bảo ôn, neo bảo ôn, que hàn, tôn tại kho nhà máy Outsourcing service for removing insulation, installation to serve repair or replacing with total of insulation layers is from 80 up to 250 mm: Remove sheet plate, insulation, steel mesh to serve repair and complete the all above works. TLP provides insulation, welding material, steel plate at the warehouse of the plant	M2	150			Bóc bảo ôn kiểm tra ống gió/ Remove insulation and inspect the air duct.
II.2	1802. 02.06 22	Dịch vụ thuê khoan thay vải bạt khớp giãn nở phi kim loại EHE tới buồng đốt: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, thay tết chèn D80mm, chèn kín tết, bông bảo ôn phía trong tết chèn, gia công tấm thép lập là inox 5mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp giãn nở L=21000mm, B=830mm. Hire outsourced service to replace heat-resistant ring belt of non-metallic expansion joints from EHE to furnace: install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, replace gland packing D80mm, tamping closely the gland packing and insulation cotton inside the gland packing, process and install two stainless steel plates with thickness 5 mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint L=21000m, B=830m	Cái/ Pcs	1			Tầng 2 bên trái, phải lò/ Second floor, left side, right of the oven.
II.3	1802. 02.06 24	Dịch vụ thuê khoan thay vải bạt khớp giãn nở phi kim loại của gió nóng thứ cấp đầu ra của bộ sấy: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, gia công tấm thép lập là 3mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp giãn nở 16000mm, B=280mm Hire outsourced service to replace heat-resistant ring belt of non-metallic expansion	Cái/ Pcs	2			Tầng 5 bộ sấy/ Dryer level 5

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
		joints at the outlet's secondary hot air of APH : install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 3mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint L=16000mm, B=280mm					
II.4	1802.02.0625	Dịch vụ thuê khoan thay vải bạt khớp gắn nở phi kim loại gió nóng sơ cấp đầu ra bộ sấy: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo thay lớp vải bạt gắn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, gia công tấm thép lập là 3mm dọc theo khớp gắn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp gắn nở 18500mm, B=350mm Hire outsourced service to replace heat-resistant ring belt of non-metallic expansion joints at the outlet's primary hot air of APH : install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 3mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint L=18500mm, B=350mm	Cái/ Pcs	2			Tầng 5 bộ sấy/ Dryer level 5
II.5	1802.02.0631	Dịch vụ thuê khoan thay vải bạt khớp gắn nở phi kim loại chân hồi liệu tới buồng đốt: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, thay lớp vải bạt gắn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, thay tết chèn D80mm, chèn kín tết, bông bảo ôn phía trong tết chèn, gia công tấm thép lập là inox 5mm dọc theo khớp gắn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp gắn nở 3745x2950mm, B=350mm. Hire outsourced service to replace heat-resistant ring belt of non-metallic expansion joints from EHE to furnace: install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, replace gland packing D80mm, tamping closely the gland packing and insulation cotton inside the gland packing, process and install two stainless steel plates with thickness 5 mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint 3745x2950mm, B=350mm.	Cái/ pcs	2			Tầng 2 phía trước, sau lò/ Second floor, front, behind the furnace.

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.6	1802.02.0632	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa khớp giãn nở phi kim loại Khớp giãn nở gió tổng thứ cấp sau bộ sấy: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, , gia công tấm thép lập là 3mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do.Kích thước khớp giãn nở Ø2380, B=250mm Hire a contract to repair non-metallic expansion joints at the secondary air rear APH : install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 3mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint Ø2380, B=250mm	Cái/ Pcs	2			Tầng 4 khu vực bộ sấy ống gió thứ cấp/ Level 4, secondary duct drying area
II.7	1802.02.0633	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa khớp giãn nở phi kim loại gió sơ cấp: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, , gia công tấm thép lập là 3mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do.Kích thước khớp giãn nở Ø1130, L=350 Hire a contract to repair non-metallic expansion joints at the primary air : install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 3mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint Ø1130, L=350	Cái/ Pcs	1			Ống xanh gió sơ cấp tầng 4 khu vực bộ sấy/ Green duct for primary air supply on the 4th floor, drying unit area.
II.8	1802.02.0634	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa khớp giãn nở phi kim loại, khớp giãn nở đầu ra buồng đốt tối đường khói ngang: Thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, thay bông bảo ôn, gia công tấm thép lập là inox 5mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp giãn nở L=27000mm, B=420mm Contract service for repairing non-metallic expansion joints "Expansion joints from the combustion chamber outlet to the horizontal flue gas line: Replace heat-resistant ring belt, install and dismantle the scaffolding, , replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 5mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint L=27000mm, B=420mm	Cái/ pcs	2			Tầng 9 đường khói ngang 101, 301/ Floor 9, horizontal smoke tunnel 101, 301

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ g/Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.9	1802.02.0640	Dịch vụ thuê khoán thay van gió DN1800 (Ø1830x300mm): Tháo dỡ và lắp đặt giàn giáo, tháo bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ van cũ bị hỏng, hàn và lắp đặt thay thế hoàn thiện van mới, hoàn thiện các công việc trên, hiệu chỉnh và kiểm tra van theo bước sau: - Kiểm tra cách điện, điện trở của tín hiệu điều khiển, phản hồi - Kiểm tra nguồn khí điều khiển cung cấp - Vệ sinh, xiết lại cầu đầu - Hiệu chuẩn, xác nhận lại trạng thái đóng, mở của van - Loop test van ở các mức 0%, 20%, 50%, 70%, 100% - kiểm tra, chạy thử xác nhận thời gian đóng, mở hết của thiết bị và ghi vào bản báo cáo hiệu chuẩn do TLP cung cấp - Xác nhận trạng thái điều khiển đóng mở trên DCS Outsourced service for replacing air damper valve DN1800 (Ø1830x300mm): Dismantle and install scaffolding, remove insulation, remove old damaged valves, weld and install new replacement valves, complete the above work, calibrate and test valves according to the following steps: - Insulation and resistance testing of control and feedback signals - Verification of control air supply - Cleaning and tightening of terminal connections - Calibration and confirmation of valve open/close positions - Loop test of the valve at 0%, 20%, 50%, 70%, 100% - Functional testing to confirm full open/close travel time of the actuator, with results recorded in the calibration report provided by TLP - Confirmation of open/close control status on the DCS (Distributed Control System)	Cái/ Pcs	1			Cos 0m gần hộp gió van tổng gió thứ cấp nhánh phải/ Cos 0m near the main air valve box, secondary air supply, right branch.

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.10	1802.02.0650	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại 2620x2620x532mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới, hàn lắp đặt tấm lưới gà thép inox quanh khớp giãn nở Hire outsourced service to replace metal expansion joints 2620x2620x532mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints, welding and installation of stainless steel tongue plates around the expansion joint.	Cái/ Pcs	1			Hộp gió A/ Air box A
II.11	1802.02.0643	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN300, L=400mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN300, L=400mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (gió chèn cửa than rơi tầng 5)/ On-site inspection (wind blew open the coal door, causing coal to fall from the 5th floor)
II.12	1802.02.0642	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN1800, L=575mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN1800, L=575mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (gió thử cấp cos 0m gần hộp gió)/ Actual check (secondary air pressure cos 0m near the air box)

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.1 3	1802. 02.06 44	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN500, L=600mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN500, L=600mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (tầng 2 gió thứ cấp)/ Practical test (secondary air supply on the 2nd floor)
II.1 4	1802. 02.06 45	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN800, L=900mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN800, L=900mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (tầng 2 gió thứ cấp vào vòi dầu)/ Practical check (secondary air supply to the oil nozzle on the second floor)
II.1 5	1802. 02.06 46	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN1500, L=350mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN1500, L=350mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (tầng 4 gió thứ cấp)/ Practical test (4th floor secondary wind)
II.1 6	1802. 02.06 47	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN600, L=900mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN600, L=900mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (tầng 2 gió thứ cấp)/ Practical test (secondary air supply on the 2nd floor)

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.1 7	1802. 02.06 52	Dịch vụ thuê khoán thay khớp gắn nở kim loại Ø1680x400mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt(tháo dỡ khớp vải bạt phía ngoài) , tháo cắt bỏ khớp gắn nở cũ hư hỏng, cắt và hàn gia cố lại bích thép gắn nở Ø1516mm, hàn và lắp hoàn thiện khớp gắn nở mới. Contracted service for replacement of metal expansion joint Ø1680 × 400 mm, comprising scaffolding erection and dismantling; removal and reinstatement of thermal insulation (including removal of external fabric joint); dismantling and cutting of the damaged existing expansion joint; cutting and welding reinforcement of the Ø1516 mm steel expansion joint flange; and welding and final installation of the new expansion joint.	Cái/ Pcs	3			Tầng 4 (Khớp giãn nở Sealpot về EHE 1,2,4)/ Level 4 (Sealpot expansion joint to EHE 1,2,4)
II.1 8	1802. 02.07 46	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa , thay thế ống gió (DN500, DN600, DN800, DN1500, DN1800, DN2000) T=6mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, cắt thay thế đoạn ống bị mòn, thủng, lắp đặt và hàn hoàn thiện các công việc trên Hire outsourced service to repair, replace air pipe (DN500, DN600, DN800, DN1500, DN1800, DN2000) T=6mm. Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, cut off and replace the worn or punctured pipe sections, install and weld to complete the above work	Kg	800			Ống gió khu vực buồng đốt/ Combustion chamber duct
		B. Tiểu tu Tổ máy 2/ Minor repairs of Unit 2					Hoàn thành trong vòng 14 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng/ Completed within 14 days of site handover.

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.1	1802. 02.05 54	Dịch vụ thuê khoan bóc, bọc bảo ôn phục vụ sửa hoặc thay thế với chiều dày các lớp bảo ôn từ 80 đến 250 mm : Bóc, dỡ tôn, bảo ôn, lưới thép phục vụ sửa và hoàn thiện lại các công việc nêu trên Chủ đầu tư cung cấp bông bảo ôn, neo bảo ôn, que hàn, tôn tại kho nhà máy Outsourcing service for removing insulation, installation to serve repair or replacing with total of insulation layers is from 80 up to 250 mm: Remove sheet plate, insulation, steel mesh to serve repair and complete the all above works. TLP provides insulation, welding material, steel plate at the warehouse of the plant	M2	150			Bóc bảo ôn kiểm tra ống gió/ Remove insulation and inspect the air duct.
II.2	1802. 02.06 22	Dịch vụ thuê khoan thay vải bạt khớp giãn nở phi kim loại EHE tới buồng đốt: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, thay tết chèn D80mm, chèn kín tết, bông bảo ôn phía trong tết chèn, gia công tấm thép lập là inox 5mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp giãn nở L=21000mm, B=830mm. Hire outsourced service to replace heat-resistant ring belt of non-metallic expansion joints from EHE to furnace: install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, replace gland packing D80mm, tamping closely the gland packing and insulation cotton inside the gland packing, process and install two stainless steel plates with thickness 5 mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint L=21000m, B=830m	Cái/ Pcs	1			Tầng 2 bên trái, phải lò/ Second floor, left side, right of the oven.
II.3	1802. 02.06 24	Dịch vụ thuê khoan thay vải bạt khớp giãn nở phi kim loại của gió nóng thứ cấp đầu ra của bộ sấy: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, gia công tấm thép lập là 3mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp giãn nở 16000mm, B=280mm Hire outsourced service to replace heat-resistant ring belt of non-metallic expansion joints at the outlet's secondary hot air of APH : install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 3mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint L=16000m, B=280m	Cái/ Pcs	2			Tầng 5 bộ sấy/ Dryer level 5

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.4	1802. 02.06 25	Dịch vụ thuê khoan thay vải bạt khớp giãn nở phi kim loại gió nóng sơ cấp đầu ra bộ sấy: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, , gia công tấm thép lập là 3mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do.Kích thước khớp giãn nở 18500mm, B=350mm Hire outsourced service to replace heat-resistant ring belt of non-metallic expansion joints at the outlet's primary hot air of APH : install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 3mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint L=18500m, B=350m	Cái/ Pcs	2			Tầng 5 bộ sấy/ Dryer level 5
II.5	1802. 02.06 31	Dịch vụ thuê khoan thay vải bạt khớp giãn nở phi kim loại chân hồi liệu tới buồng đốt: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, thay tết chèn D80mm, chèn kín tết, bông bảo ôn phía trong tết chèn, gia công tấm thép lập là inox 5mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp giãn nở 3745x2950mm, B=350mm. Hire outsourced service to replace heat-resistant ring belt of non-metallic expansion joints from EHE to furnace: install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, replace gland packing D80mm, tamping closely the gland packing and insulation cotton inside the gland packing, process and install two stainless steel plates with thickness 5 mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint 3745x2950mm, B=350mm.	Cái/ pcs	2			Tầng 2 phía trước, sau lò/ Second floor, front, behind the furnace.

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.6	1802. 02.06 32	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa khớp giãn nở phi kim loại Khớp giãn nở gió tổng thứ cấp sau bộ sấy: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, , gia công tấm thép lập là 3mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do.Kích thước khớp giãn nở Ø2380, B=250mm Hire a contract to repair non-metallic expansion joints at the secondary air rear APH : install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 3mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint Ø2380, B=250mm	Cái/ Pcs	2			Tầng 4 khu vực bộ sấy ống gió thứ cấp/ Level 4, secondary duct drying area
II.7	1802. 02.06 33	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa khớp giãn nở phi kim loại gió sơ cấp: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, thay bông bảo ôn, , gia công tấm thép lập là 3mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do.Kích thước khớp giãn nở Ø1130, L=350 Hire a contract to repair non-metallic expansion joints at the primary air : install and dismantle the scaffolding, Replace heat-resistant ring belt, replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 3mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint Ø1130, L=350	Cái/ Pcs	1			Ống xanh gió sơ cấp tầng 4 khu vực bộ sấy/ Green duct for primary air supply on the 4th floor, drying unit area.
II.8	1802. 02.06 34	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa khớp giãn nở phi kim loại, khớp giãn nở đầu ra buồng đốt tới đường khói ngang: Thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, thay bông bảo ôn, gia công tấm thép lập là inox 5mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp giãn nở L=27000mm, B=420mm Contract service for repairing non-metallic expansion joints "Expansion joints from the combustion chamber outlet to the horizontal flue gas line: Replace heat-resistant ring belt, install and dismantle the scaffolding, , replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 5mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint L=27000mm, B=420mm	Cái/ pcs	4			Tầng 9 đường khói ngang 101,201, 301,401/Floor 9, horizontal smoke ducts 101, 201, 301, 401

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.9	1802. 02.06 35	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa khớp giãn nở phi kim loại khớp giãn nở đuôi lò tới bộ sấy: Thay lớp vải bạt giãn nở chịu nhiệt, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, thay bông bảo ôn, gia công tấm thép lập là inox 5mm dọc theo khớp giãn nở, hai tấm thép lập là hàn 1 phía được đặt chồng lên nhau để trượt tự do. Kích thước khớp giãn nở 13056x4915mm B=450mm Contract service for repairing non-metallic expansion joints "Expansion joints from backpass to APH: Replace heat-resistant ring belt, install and dismantle the scaffolding, , replace the insulation cotton, process and install two stainless steel plates with thickness 5mm along the expansion joint (those plates can slide freely during operation) and then tack weld those steel plates. Dimension of expansion joint 13056x4915mm B=450mm	Cái/ pcs	1			Tầng 2. Khớp từ bộ sấy tới lọc bụi/ Level 2. Connection from dryer to dust filter.

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.1 0	1802. 02.06 40	Dịch vụ thuê khoán thay van gió DN1800 (Ø1830x300mm): Tháo dỡ và lắp đặt giàn giáo, tháo bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ van cũ bị hỏng, hàn và lắp đặt thay thế hoàn thiện van mới, hoàn thiện các công việc trên, hiệu chỉnh và kiểm tra van theo bước sau: - Kiểm tra cách điện, điện trở của tín hiệu điều khiển, phản hồi - Kiểm tra nguồn khí điều khiển cung cấp - Vệ sinh, xiết lại cầu đấu - Hiệu chuẩn, xác nhận lại trạng thái đóng, mở của van - Loop test van ở các mức 0%, 20%, 50%, 70%, 100% - kiểm tra, chạy thử xác nhận thời gian đóng, mở hết của thiết bị và ghi vào bản báo cáo hiệu chuẩn do TLP cung cấp - Xác nhận trạng thái điều khiển đóng mở trên DCS Outsourced service for replacing air damper valve DN1800 (Ø1830x300mm): Dismantle and install scaffolding, remove insulation, remove old damaged valves, weld and install new replacement valves, complete the above work, calibrate and test valves according to the following steps: - Insulation and resistance testing of control and feedback signals - Verification of control air supply - Cleaning and tightening of terminal connections - Calibration and confirmation of valve open/close positions - Loop test of the valve at 0%, 20%, 50%, 70%, 100% - Functional testing to confirm full open/close travel time of the actuator, with results recorded in the calibration report provided by TLP - Confirmation of open/close control status on the DCS (Distributed Control System)	Cái/ Pcs	2			Cos 0m gần hộp gió van tổng gió thứ cấp nhánh trái, phải/ Cos 0m near the main air valve box, secondary air supply, left and right branches.

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.1 1	1802. 02.06 41	Dịch vụ thuê khoan thay van gió DN2000 (Ø2220x300mm): Tháo dỡ và lắp đặt giàn giáo, tháo bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ van cũ bị hỏng, hàn và lắp đặt thay thế hoàn thiện van mới, hoàn thiện các công việc trên, hiệu chỉnh và kiểm tra van theo bước sau: - Kiểm tra cách điện, điện trở của tín hiệu điều khiển, phản hồi - Kiểm tra nguồn khí điều khiển cung cấp - Vệ sinh, xiết lại cầu đấu - Hiệu chuẩn, xác nhận lại trạng thái đóng, mở của van - Loop test van ở các mức 0%, 20%, 50%, 70%, 100% - kiểm tra, chạy thử xác nhận thời gian đóng, mở hết của thiết bị và ghi vào bản báo cáo hiệu chuẩn do TLP cung cấp - Xác nhận trạng thái điều khiển đóng mở trên DCS Outsourced service for replacing air damper valve DN2000 (Ø2220x300mm): Dismantle and install scaffolding, remove insulation, remove old damaged valves, weld and install new replacement valves, complete the above work, calibrate and test valves according to the following steps: - Insulation and resistance testing of control and feedback signals - Verification of control air supply - Cleaning and tightening of terminal connections - Calibration and confirmation of valve open/close positions - Loop test of the valve at 0%, 20%, 50%, 70%, 100% - Functional testing to confirm full open/close travel time of the actuator, with results recorded in the calibration report provided by TLP - Confirmation of open/close control status on the DCS (Distributed Control System)	Cái/ Pcs	2			Tầng 5 bộ sấy van tổng gió sơ nhánh trái, phải/ Level 5 main air valve dryer, left and right branches.

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.1 2	1802. 02.06 42	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN1800, L=575mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN1800, L=575mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (gió thử cấp cos 0m gần hộp gió)/ Actual check (secondary air pressure cos 0m near the air box)
II.1 3	1802. 02.06 43	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN300, L=400mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN300, L=400mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (gió chèn cửa than rơi tầng 5)/ On-site inspection (wind blew open the coal door, causing coal to fall from the 5th floor)
II.1 4	1802. 02.06 44	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN500, L=600mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN500, L=600mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (tầng 2 gió thử cấp)/ Practical test (secondary air supply on the 2nd floor)

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.1 5	1802. 02.06 45	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN800, L=900mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN800, L=900mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (tầng 2 gió thứ cấp vào vòi dầu)/ Practical check (secondary air supply to the oil nozzle on the second floor)
II.1 6	1802. 02.06 46	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN1500, L=350m: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN1500, L=350mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (tầng 4 gió thứ cấp)/ Practical test (4th floor secondary wind)
II.1 7	1802. 02.06 47	Dịch vụ thuê khoán thay khớp giãn nở kim loại DN600, L=900mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, tháo cắt bỏ khớp giãn nở cũ hư hỏng, hàn và lắp hoàn thiện khớp giãn nở mới Hire outsourced service to replace metal expansion joints DN600, L=900mm: Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, remove and cut off the old and damaged expansion joints, weld and completely install new expansion joints	Cái/ Pcs	1			Kiểm tra thực tế (tầng 2 gió thứ cấp)/ Practical test (secondary air supply on the 2nd floor)

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
II.1 8	1802. 02.06 52	Dịch vụ thuê khoán thay khớp gắn nở kim loại Ø1680x400mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt(tháo dỡ khớp vải bạt phía ngoài) , tháo cắt bỏ khớp gắn nở cũ hư hỏng, cắt và hàn gia cố lại bích thép gắn nở Ø1516mm, hàn và lắp hoàn thiện khớp gắn nở mới. Contracted service for replacement of metal expansion joint Ø1680 × 400 mm, comprising scaffolding erection and dismantling; removal and reinstatement of thermal insulation (including removal of external fabric joint); dismantling and cutting of the damaged existing expansion joint; cutting and welding reinforcement of the Ø1516 mm steel expansion joint flange; and welding and final installation of the new expansion joint.	Cái/ Pcs	4			Tầng 4 (Khớp gắn nở Sealtop về EHE 1,2,3,4)/ Level 4 (Sealtop expansion joint to EHE 1,2,3,4)
II.1 9	1802. 02.07 46	Dịch vụ thuê khoán sửa chữa , thay thế ống gió (DN500, DN600, DN800, DN1500, DN1800, DN2000) T=6mm: Lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, tháo dỡ và lắp đặt lại bảo ôn cách nhiệt, cắt thay thế đoạn ống bị mòn, thủng, lắp đặt và hàn hoàn thiện các công việc trên Hire outsourced service to repair, replace air pipe (DN500, DN600, DN800, DN1500, DN1800, DN2000) T=6mm. Install and dismantle the scaffolding, dismantle and reinstall the insulation, cut off and replace the worn or punctured pipe sections, install and weld to complete the above work	Kg	800			Thay cắt ống gió thứ cấp tầng trên phía sau bên trái (cắt 45 sắt vách lò)/ Replace the secondary air duct elbow on the upper left rear level (45mm elbow near the furnace wall).
		Cộng / Total					
		Thuế GTGT/ VAT					

Stt No.	Mã số/ Code	Nội dung công việc / Job Description	Đơn vị/ Unit	Số lượng g/ Quan tity	Đơn giá trước thuế/ Price before tax (VND)	Thành tiền/ Amount (VND)	Ghi chú / Note
		Tổng cộng (bao gồm thuế GTGT) Grand Total (including VAT)					
(Bằng chữ: đồng) (In words: VND)							

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Legal representative of the supplier

[Name, title, signature and seal]

Ghi chú:

Cột (5); (6): Nhà thầu ghi đơn giá chào và thành tiền của từng công việc.
 Giá chào là tổng giá trị của tất cả các hạng mục công việc đã nêu.

Giá chào nêu trên bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Note:

Column (5); (6): The Contractor shall record the unit price and total amount of each specific work and item. The quoted price is the total value of all the listed work items.

The above bid price includes all costs necessary to provide the service as

Trường hợp nhà thầu phát hiện nội dung và khối lượng của các hạng mục công việc chưa đầy đủ chính xác, nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần công việc sai khác này để Bên mời thầu xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

requested by the customer, including taxes, fees, and charges (if any).

In case the contractor discovers that the content and volume of work items are not completely accurate, the contractor may notify the Inviting Party and prepare a separate quotation for this different part of work for the Inviting Party to consider. The contractor shall not calculate this different volume into the bid price.



BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG , ngày tháng năm	CONTRACT PERFORMANCE GUARANTEE , day..... month year
Kính gửi: _____ <i>[ghi tên Chủ đầu tư]</i> (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)	To: _____ <i>[insert name of Investor]</i> (hereinafter referred to as “Investor”)
Theo đề nghị của _____ <i>[ghi tên Nhà thầu]</i> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ <i>[ghi tên gói thầu]</i> và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾ Theo quy định trong Hồ sơ mời chào giá (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng; Chúng tôi, _____ <i>[ghi tên của ngân hàng]</i> ở _____ <i>[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]</i> có trụ sở đăng ký tại _____ <i>[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]</i> (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ <i>[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá]</i>. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ <i>[ghi số tiền bảo lãnh]</i> như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____ ⁽³⁾.	At the request of _____ <i>[insert name of Contractor]</i> (hereinafter referred to as “Contractor”) is the winning bidder for the package _____ <i>[insert name of package]</i> and commits to sign a contract to provide services for the above package (hereinafter referred to as “Contract”); ⁽¹⁾ According to the provisions in the Bidding Documents (or contract), the Contractor must submit to the Investor a bank guarantee for a specified amount of money to ensure its obligations and responsibilities in performing the contract; We, _____ <i>[insert name of the bank]</i> located in _____ <i>[insert name of country or territory]</i> with registered office at _____ <i>[insert address of the bank⁽²⁾]</i> (hereinafter referred to as “Bank”), please commit to guarantee the Contractor's performance of the contract in the amount of _____ <i>[specify the corresponding value in numbers, in words and the currency used according to the regulations of the Bidding Documents]</i>. We commit to pay unconditionally and irrevocably to the Investor any amount within the limit _____ <i>[insert guarantee amount]</i> as stated above, upon written notice from the Investor to the Contractor. breach of contract within the validity period of the contract performance guarantee. This guarantee is valid from the date of issue until the end of day _____ month _____ year _____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Legal representative of the bank
[insert name, title, signature and stamp]



Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại của Hồ sơ mời chào giá.

Note:

(1) If the guarantee bank requires a signed contract to issue a guarantee, the Procuring Entity will report to the Investor for consideration and decision. In this case, the above paragraph can be revised as follows:

“At the request of ____ [*insert name of Contractor*] (hereinafter referred to as “Contractor”), the winning bidder for package ____ [*insert name of package*] has signed contract No. ____ [*insert contract number*] date ____ month ____ year ____ (after this is called the “Contract”).”

(2) Bank address: clearly state address, phone number, fax number, e-mail for contact.

(3) Record the deadline in accordance with the requirements specified in the Bidding Documents.